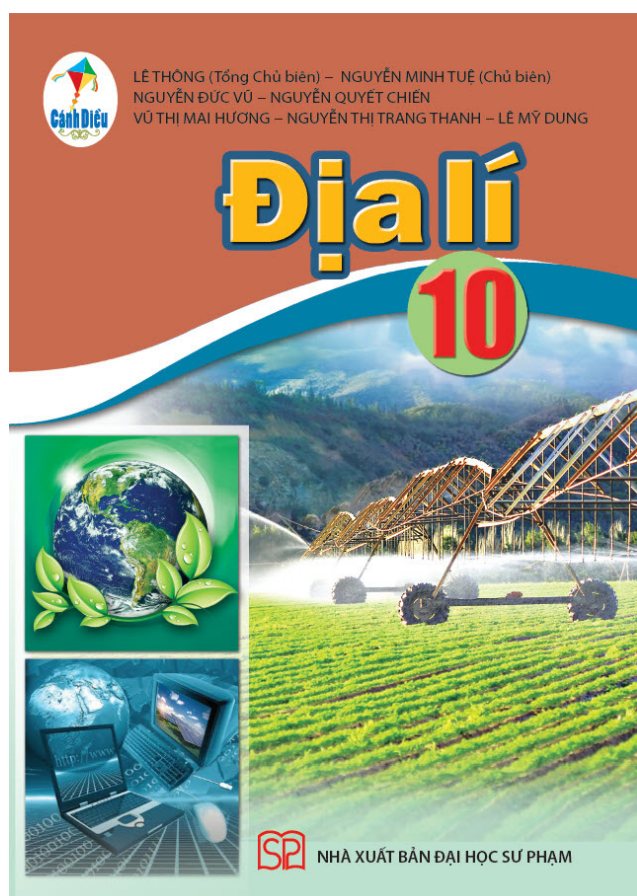


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM



TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÝ 10 – CÁNH DIỀU



HÀ NỘI – NĂM 2022

MỤC LỤC

Trang

A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	4
1. GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN ĐỊA LÍ	4
1.1. Đặc điểm của môn Địa lí	4
1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở học sinh khi học Địa lí	4
1.2.1. Các phẩm chất và năng lực được xác định trong Chương trình tổng thể	4
1.2.2. Mô tả chi tiết năng lực địa lí	5
2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 10 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU	8
2.1. Một số thông tin chung	8
2.2. Cấu trúc sách giáo khoa Địa lí 10	9
2.3. Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Địa lí 10	10
3. GIỚI THIỆU VỀ SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 10	11
3.1. Đội ngũ tác giả	11
3.2. Phân phối chương trình Địa lí 10	14
3.3. Quan điểm tiếp cận	16
3.3.1. Sách giáo khoa Địa lí 10 biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 môn Địa lí	16
3.3.2. Các bài học được xây dựng theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh	17
3.3.3. Nội dung các bài học tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập	18
3.3.4. Các bài học chú trọng tích hợp, thực hành và vận dụng	19

4. ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 10	19
4.1. Điểm mới quan trọng nhất của sách giáo khoa Địa lí 10 là chuyển từ việc tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực	19
4.2. Sách giáo khoa Địa lí 10 đảm bảo tính kế thừa và hiện đại	19
4.3. Sách giáo khoa Địa lí 10 góp phần giúp giáo viên và học sinh đổi mới quá trình dạy và học	20
4.4. Sách giáo khoa Địa lí 10 chú trọng yêu cầu tích hợp	21
4.5. Sách giáo khoa Địa lí 10 đổi mới về hình thức và cách trình bày	21
5. YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC	23
5.1. Định hướng chung	23
5.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh	23
5.3. Định hướng về phương pháp hình thành và phát triển năng lực địa lí	24
5.4. Cách thức tổ chức dạy học Địa lí 10 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực	24
6. VẤN ĐỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ 10	29
7. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG TÀI LIỆU THAM KHẢO HỖ TRỢ	30
B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ	32
C. GỢI Ý BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ	40





A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018 MÔN ĐỊA LÍ

1.1. Đặc điểm của môn Địa lí

Trong Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) năm 2018, môn Địa lí là môn học thuộc nhóm môn khoa học xã hội được lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của HS.

Môn Địa lí vừa thuộc lĩnh vực khoa học xã hội (Địa lí kinh tế – xã hội) vừa thuộc lĩnh vực khoa học tự nhiên (Địa lí tự nhiên), giúp HS có được những hiểu biết cơ bản về khoa học địa lí, các ngành nghề có liên quan đến địa lí, khả năng ứng dụng kiến thức địa lí trong đời sống; đồng thời củng cố và mở rộng nền tảng tri thức, kĩ năng phổ thông cốt lõi đã được hình thành ở giai đoạn giáo dục cơ bản, tạo cơ sở vững chắc giúp HS tiếp tục theo học các ngành nghề liên quan.

Trên nền tảng những kiến thức cơ bản và phương pháp giáo dục đề cao hoạt động chủ động, sáng tạo, tích cực của HS, môn Địa lí giúp HS hình thành, phát triển năng lực địa lí. Đồng thời, kết hợp với những môn học/ hoạt động giáo dục khác, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước; có thái độ đối xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội; khả năng định hướng nghề nghiệp, hình thành nhân cách công dân; sẵn sàng đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở HS khi học Địa lí

1.2.1. Các phẩm chất và năng lực được xác định trong Chương trình tổng thể

Trong Chương trình tổng thể đã xác định:

- *Các phẩm chất chủ yếu* là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.
- *Các năng lực chung* là năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.



– *Các năng lực đặc thù* được hình thành, phát triển thông qua môn học và hoạt động học tập.

HS khi học Địa lí, sẽ hình thành năng lực địa lí. Năng lực địa lí gồm có ba thành phần năng lực là năng lực nhận thức khoa học địa lí, năng lực tìm hiểu địa lí và năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

– *Năng lực nhận thức khoa học địa lí* bao gồm các biểu hiện cụ thể như nhận thức thế giới theo quan điểm không gian và giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội).

– *Năng lực tìm hiểu địa lí* bao gồm các biểu hiện cụ thể như sử dụng các công cụ của Địa lí học và tổ chức học tập ở thực địa, khai thác internet phục vụ môn học.

– *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học*: Trong quá trình học tập, HS học được cách vận dụng kiến thức thực tế để bổ sung, làm sáng rõ kiến thức địa lí; đồng thời vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học vào nhận thức hoặc nghiên cứu một chủ đề vừa sức trong thực tiễn.

1.2.2. Mô tả chi tiết năng lực địa lí

Bảng mô tả năng lực địa lí

Thành phần năng lực	Mô tả chi tiết
Nhận thức khoa học địa lí	<i>Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian</i> – Định hướng không gian: biết sử dụng các phương tiện khác nhau, đặc biệt là địa bàn để xác định chính xác phương hướng; biết xác định vị trí địa lí của một địa điểm và phương hướng trên bản đồ; biết phân tích phạm vi, quy mô của một lãnh thổ. – Phân tích vị trí địa lí: biết phân tích ảnh hưởng của vị trí địa lí đến các quá trình tự nhiên và kinh tế – xã hội. – Phân tích sự phân bố: mô tả được đặc điểm phân bố của đối tượng, hiện tượng địa lí. – Diễn đạt nhận thức không gian: sử dụng được lược đồ trí nhớ để mô tả nhận thức về không gian; sử dụng được lược đồ để diễn tả mối quan hệ không gian giữa các hiện tượng, sự vật địa lí; mô tả được một địa phương với các dấu hiệu đặc trưng về tự nhiên, dân cư và kinh tế. Từ đó, hình thành ý niệm về bản sắc của một địa phương, phân biệt địa phương này với địa phương khác.
	<i>Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội)</i> – Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong thiên nhiên:

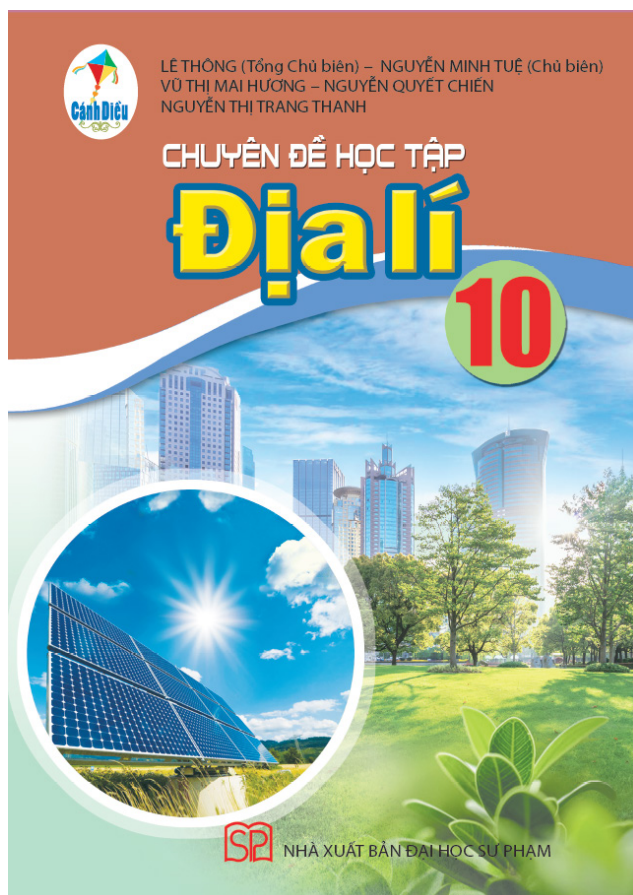
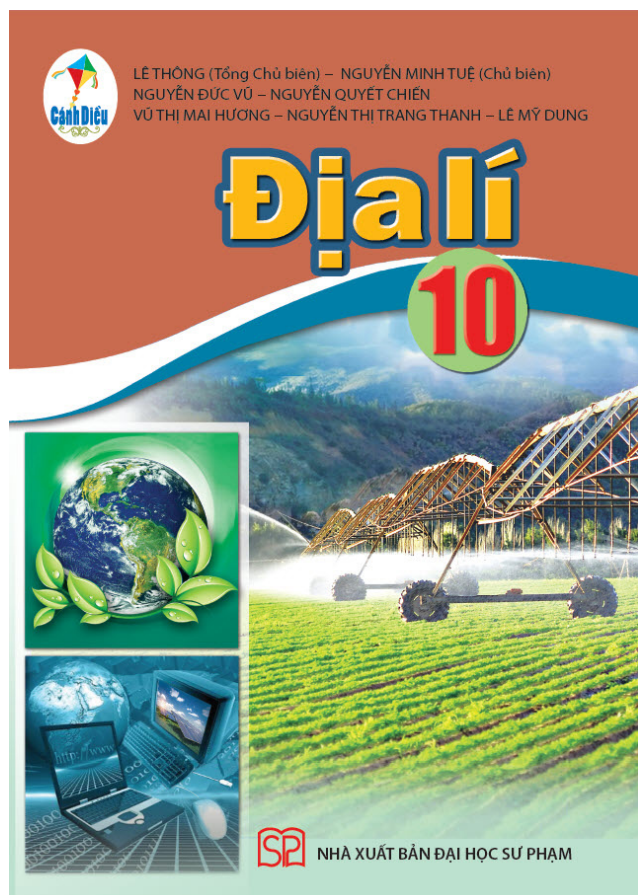


	+ Mô tả được một số hiện tượng và quá trình địa lí trên Trái Đất; mô tả được sự phân hoá của thiên nhiên các châu lục; mô tả được các đặc điểm chủ yếu của thiên nhiên Việt Nam; giải thích được một số nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá thiên nhiên Việt Nam. + Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình tự nhiên. + Nhận biết và phân tích được quan hệ nhân quả trong mối quan hệ giữa các thành phần tự nhiên trong một số tình huống. – Phân tích các mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong kinh tế – xã hội: + Mô tả được sự phân hoá không gian của các hiện tượng dân cư, quần cư, kinh tế, văn hoá; giải thích được một số nhân tố tác động tới sự phân hoá đó qua một ví dụ cụ thể. + Tìm được các minh chứng về mối quan hệ qua lại và quan hệ nhân quả trong sự phát triển, phân bố dân cư và các ngành kinh tế. + Sơ đồ hoá để mô tả được sự tương tác giữa các hiện tượng và quá trình kinh tế – xã hội. + Nhận biết và vận dụng được một số tình huống phân tích quan hệ nhân quả trong đời sống kinh tế – xã hội. – Phân tích tác động của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên tới sự phân bố dân cư và sản xuất: + Phân tích được tác động của các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đến việc lựa chọn phương thức khai thác tự nhiên của dân cư các châu lục. + Đánh giá được tác động của các điều kiện tự nhiên, cơ sở tài nguyên đến sự phân bố dân cư, sự phát triển các ngành kinh tế và hình thành cơ cấu kinh tế thông qua ví dụ cụ thể về địa lí Việt Nam. – Phân tích tác động của xã hội loài người lên môi trường tự nhiên: + Phân tích được cách thức mà con người ở các châu lục, ở các vùng miền của nước ta đã khai thác, sử dụng và bảo vệ tự nhiên.
	<i>Sử dụng các công cụ của Địa lí học</i> – Khai thác tài liệu văn bản: tìm được nội dung địa lí trong một đoạn văn; biết đặt tiêu đề, chú thích cho một bức ảnh, tranh vẽ từ góc nhìn địa lí; biết tìm kiếm tài liệu địa lí phục vụ cho một bài tập dự án về địa lí địa phương hay một chủ đề về địa lí Việt Nam.

Tìm hiểu địa lí	– Sử dụng bản đồ: nêu được các yếu tố bản đồ; biết đọc bản đồ tỉ lệ nhỏ về địa lí tự nhiên, địa lí dân cư, địa lí kinh tế để rút ra các thông tin, tri thức cần thiết; biết sử dụng tỉ lệ bản đồ để xác định khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm; biết đọc lát cắt địa hình. – Tính toán, thống kê: kể được tên một số đại lượng đo các hiện tượng, quá trình tự nhiên; vận dụng được một số chỉ tiêu về gia tăng dân số, phân bố dân cư và một số chỉ tiêu đo sự phát triển kinh tế và cơ cấu kinh tế. – Phân tích biểu đồ, sơ đồ: biết đọc biểu đồ khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa); biết đọc các dạng biểu đồ thông dụng trong phân tích động thái, cơ cấu, quy mô và đặc điểm phân bố của hiện tượng và đối tượng địa lí; đọc hiểu các sơ đồ, mô hình đơn giản. <i>Tổ chức học tập ở thực địa</i> Biết chuẩn bị điều kiện cần thiết trước khi thực hiện khảo sát thực địa; biết sử dụng một số công cụ đơn giản và thông dụng để thực hiện quan sát, quan trắc ngoài thực địa; biết ghi chép nhật kí thực địa; biết viết thu hoạch sau một ngày thực địa. <i>Khai thác internet phục vụ môn học</i> Biết lấy thông tin về tự nhiên, kinh tế – xã hội từ những trang web được GV giới thiệu; biết xác định các từ khoá trong tìm kiếm thông tin theo chủ đề; biết đánh giá thông tin tiếp cận được; có kĩ năng tải xuống các tài liệu media và lưu giữ tài liệu làm hồ sơ cho một bài tập được giao.
Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học	<i>Cập nhật thông tin, liên hệ thực tế</i> Biết tìm kiếm các thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật tri thức, số liệu,... về các địa phương, quốc gia được học, về xu hướng phát triển trên thế giới và trong nước; biết liên hệ thực tế để hiểu sâu sắc hơn kiến thức địa lí. <i>Thực hiện chủ đề học tập khám phá từ thực tế</i> Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng về một chủ đề học tập khám phá từ thực tế; có khả năng trình bày kết quả một bài tập dự án của cá nhân hay của nhóm.



2. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 10 VÀ CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP ĐỊA LÍ 10 – BỘ SÁCH CÁNH DIỀU



2.1. Một số thông tin chung

Trong học tập Địa lí Trung học phổ thông, ngoài việc được học nội dung cốt lõi, các em còn được lựa chọn các chuyên đề học tập.

SGK Địa lí 10 và Chuyên đề học tập Địa lí 10 thuộc bộ sách Cánh Diều đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 442/QĐ-BGDĐT ngày 28/1/2022.

– Mục đích biên soạn: Mục đích biên soạn SGK nhằm cung cấp cho HS một tài liệu chính thức, thiết yếu với hệ thống kiến thức cơ bản, toàn diện để từ đó hình thành các năng lực phù hợp. SGK còn là tài liệu quan trọng cho GV khai thác để tổ chức các hoạt động dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho HS.

– Đối tượng sử dụng: Đối tượng sử dụng trước hết là HS lớp 10 và GV dạy Địa lí ở trường trung học phổ thông; sau đó là cán bộ quản lý giáo dục, phụ huynh HS và những người quan tâm đến môn học này.

– Phạm vi sử dụng là trong giờ học trên lớp, giờ học trực tuyến, giờ thực hành và các hoạt động học tập bên ngoài nhà trường.

- Số trang:
- + Sách giáo khoa Địa lí 10: 128 trang.
- + Chuyên đề học tập Địa lí 10: 40 trang.
- Khổ sách: 19 x 26,5.
- Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

2.2. Cấu trúc sách giáo khoa Địa lí 10

2.2.1. Cấu trúc sách giáo khoa Địa lí 10

Sách có **Lời nói đầu**, hướng tới bạn đọc là các em HS.

Cuốn sách được cấu tạo thành **3 phần, 10 chương** với **30 bài**. Mỗi chương tương ứng với một chủ đề lớn, phù hợp với các chủ đề đã được xác định trong nội dung Chương trình 2018. Mỗi chương được cấu tạo gồm một số bài học, phần lớn các bài được thiết kế là với thời lượng 2 hoặc 3 tiết nhằm giúp GV linh động trong quá trình dạy học. SGK Địa lí 10 thuộc bộ sách Cánh Diều bao gồm 10 chương, 30 bài (so với SGK Địa lí 10 hiện hành là 42 bài). Cụ thể:

PHẦN 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

- Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh.
- Sử dụng bản đồ.

PHẦN 2. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN (6 chương)

Chương 1. TRÁI ĐẤT

Chương 2. THẠCH QUYỀN

Chương 3. KHÍ QUYỀN

Chương 4. THỦY QUYỀN

Chương 5. SINH QUYỀN

Chương 6. MỘT SỐ QUY LUẬT CỦA VỎ ĐỊA LÍ

PHẦN 3. ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI (4 chương)

Chương 7. ĐỊA LÍ DÂN CƯ

Chương 8. CÁC NGUỒN LỰC, MỘT SỐ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Chương 9. ĐỊA LÍ CÁC NGÀNH KINH TẾ

Chương 10. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ TĂNG TRƯỞNG XANH

Phần cuối SGK Địa lí 10 còn có **Bảng giải thích thuật ngữ** và **Bảng tra cứu địa danh/tên riêng nước ngoài**.

Bảng giải thích thuật ngữ: giải nghĩa một số thuật ngữ khó đối với HS lớp 10.





Bảng tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài: Địa danh là một phần quan trọng trong kiến thức cơ bản của Địa lí. Để giúp cho HS thuận tiện tra cứu trên internet nếu muốn tìm hiểu thêm, Bảng tra cứu địa danh nước ngoài gồm các cột: tên tiếng Việt (như trong SGK), tên tiếng Anh (như trong các từ điển địa danh, từ điển Wiki) và trang mà địa danh xuất hiện.

Cuối sách có **Mục lục**.

2.2.2. Cấu trúc sách Chuyên đề học tập Địa lí 10

Trong học tập Địa lí Trung học phổ thông, ngoài việc được học nội dung cốt lõi, các em còn được lựa chọn các chuyên đề học tập. Đối với Chuyên đề học tập Địa lí 10 đề cập tới ba chuyên đề:

Chuyên đề 1: Biến đổi khí hậu.

Chuyên đề 2: Đô thị hoá.

Chuyên đề 3. Phương pháp viết báo cáo địa lí.

2.3. Cấu trúc bài học trong sách giáo khoa Địa lí 10

Mỗi bài học đều có:

– **Tên bài** gồm số thứ tự và tên bài. Ví dụ: *Bài 23. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.*



ĐỊA LÍ CÔNG NGHIỆP
**VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CƠ CẤU,
CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG
ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**

– **Yêu cầu cần đạt** viết dưới dạng “*Học xong bài này, em sẽ...*” bám sát với yêu cầu cần đạt đã được gợi ý trong chương trình, theo quan điểm phát triển phẩm chất và năng lực của HS, thiết kế rõ nhìn, bố trí ngay dưới tên bài.

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp.
- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.

– **Mở đầu:** thiết kế chữ không chân. Phần này có ý nghĩa là để khởi động, được viết khá ngắn gọn, lời cuốn HS và cũng đa dạng tùy theo bài.



Công nghiệp là tập hợp các hoạt động sản xuất sử dụng máy móc, công nghệ để khai thác tài nguyên, chế biến các nguyên liệu thành sản phẩm hàng hoá phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của con người. Công nghiệp có vai trò như thế nào trong nền kinh tế và có những đặc điểm gì nổi bật? Sự phát triển và phân bố công nghiệp chịu ảnh hưởng của các nhân tố nào?



– **Kiến thức mới:** bao gồm **phần chính văn**, trình bày những nội dung cốt lõi của bài. Phần chữ được in bằng font Times New Roman, màu đen và các câu hỏi xác định kiến thức cơ bản của nội dung bài học. Những **nội dung mở rộng** được đưa vào các ô **Em có biết?**



VAI TRÒ CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Công nghiệp là ngành sản xuất đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

– Cung cấp tư liệu sản xuất cho nền kinh tế, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

– Cung cấp hàng tiêu dùng phong phú, đa dạng cho cuộc sống con người; góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao trình độ văn minh cho xã hội.

– Góp phần khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên, làm biến đổi sâu sắc không gian kinh tế, đóng vai trò là hạt nhân phát triển vùng.



Đọc thông tin, hãy nêu vai trò của công nghiệp trong nền kinh tế và đời sống. Lấy ví dụ cụ thể.



Xây dựng là ngành sản xuất vật chất được phát triển ở hầu khắp các nước trên thế giới, có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và đời sống xã hội. Xây dựng bao gồm các hoạt động thiết kế, thi công các công trình cơ sở hạ tầng, công nghiệp, dân dụng, quốc phòng; cơ sở phục vụ đời sống con người như nhà ở, khu đô thị, trường học, bệnh viện,...

Ở nước ta, xây dựng được xếp vào nhóm ngành công nghiệp – xây dựng, đóng góp khoảng 18,0 % GDP của cả nhóm ngành và khoảng 6,0 % GDP cả nước (giai đoạn 2010 – 2020).

Phần kiến thức mới có kênh hình đa dạng, phong phú bên cạnh kênh chữ, bao gồm bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh minh họa. Các hình đều được đánh số theo bài. Ví dụ, ở bài 23 sẽ có các hình 23.1, 23.2,...

– **Luyện tập và vận dụng**, trong đó được tách ra thành các câu hỏi mức độ Luyện tập và các câu hỏi mức độ Vận dụng. Phần này được đặt ở cuối bài.



1. Hãy nêu sự khác biệt giữa đặc điểm của ngành công nghiệp với ngành nông nghiệp.



2. Hãy thu thập thông tin về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

3. GIỚI THIỆU VỀ SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 10

3.1. Đội ngũ tác giả

Đội ngũ tác giả Địa lí 10 có rất nhiều thế mạnh, thể hiện ở những điểm sau:

– Tổng Chủ biên và Chủ biên của Địa lí 10 – Cánh Diều là chuyên gia về chương trình và SGK Địa lí: GS.TS Lê Thông, PGS.TS Nguyễn Minh Tuệ. Thầy, cô đều đã từng là Tổng Chủ biên, Chủ biên và tác giả của các bộ SGK Địa lí trước đó, các bộ sách chuyên đề, tham khảo,... cho cả bậc đại học, cao đẳng và đặc biệt là bậc phổ thông.

– Các tác giả đều là những nhà khoa học, giảng viên lâu năm của khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Sư phạm, Đại học Huế và Trường Sư phạm, Đại học Vinh.



– Đội ngũ tác giả với những thế hệ khác nhau, gắn với năng lực và kinh nghiệm biên soạn SGK. Thế hệ chuyên môn vững vàng và giàu kinh nghiệm biên soạn SGK từ năm 1980 đến nay. Thế hệ kế cận năng động và thích ứng nhanh với những đổi mới của xã hội, sử dụng ngoại ngữ thành thạo để tham khảo kinh nghiệm biên soạn SGK của một số nước tiên tiến trên thế giới.



LÊ THÔNG (Tổng Chủ biên)

Nhà giáo Ưu tú, Giáo sư, Tiến sĩ Địa Lí Kinh tế (Trường Đại học Tổng hợp Sofia, Bungari), Giảng viên cao cấp tại khoa Địa Lí Trường Đại học Sư Phạm Hà Nội; Chủ biên Chương trình GDPT 2018 môn Địa lí; Chủ tịch Hội đồng Bộ môn Địa lí của Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ năm 2000 đến nay); Tác giả SGK và SGV môn Địa lí 12 (Chương trình cải cách giáo dục, 1991 – 2007); Tác giả SGK và SGV môn Địa lí 12 (Chương trình phân ban, 1995); Trưởng ban xây dựng Chương trình môn Địa lí ở Trung học Phổ thông (Chương trình hiện hành); Tổng Chủ biên SGK (Chương trình hiện hành); Tác giả SGK và sách GV Địa lí 12 (Chương trình hiện hành); Chủ biên, tác giả của trên 100 đầu sách, bao gồm SGK, sách tham khảo phổ thông, giáo trình đại học, cao đẳng, sách chuyên khảo, sách tham khảo; Tổng Chủ biên SGK Lịch sử và Địa lí 7 – phần Địa lí, bộ sách Cánh Diều.



NGUYỄN MINH TUỆ (Chủ biên)

Nhà giáo Ưu tú, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Địa lí Kinh tế (Trường Đại học Tổng hợp Sofia, Bungari), Giảng viên Cao cấp tại khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tác giả SGK môn Địa lí từ năm 1980 (Chương trình cải cách giáo dục, Chương trình phân ban); Chủ biên SGK môn Địa lí 10 (Chương trình Giáo dục phổ thông 2006); Chủ tịch Hội đồng Quốc gia thẩm định Chương trình Giáo dục phổ thông 2006 môn Địa lí; Chủ tịch Hội đồng Quốc gia thẩm định SGK môn Địa lí 9 và Địa lí 12 (Chương trình Giáo dục phổ thông 2006). Có nhiều năm kinh nghiệm tham gia các dự án của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hơn 30 năm kinh nghiệm viết SGK, sách chuyên khảo, sách bài tập về Địa lí cho nhà trường phổ thông (từ lớp 6 đến lớp 12); Chủ biên, tác giả trên 100 đầu sách, bao gồm SGK, sách tham khảo phổ thông và giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo đại học, cao đẳng; Chủ biên SGK Lịch sử và Địa lí 7 – phần Địa lí, bộ sách Cánh Diều.



NGUYỄN ĐỨC VŨ

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Phương pháp giảng dạy Địa lí (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội); Giảng viên Cao cấp khoa Địa lí Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Tác giả SGK Địa lí 11 (Chương trình Giáo dục phổ thông 2006); tác giả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Địa lí. Có gần 30 năm kinh nghiệm viết SGK, sách tham khảo môn Địa lí dành cho GV và HS phổ thông.



NGUYỄN QUYẾT CHIẾN

Tiến sĩ Địa lí Tự nhiên (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội), Trưởng khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tác giả của một số sách tham khảo Địa lí phổ thông; Tác giả các giáo trình và đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến Địa lí.



VŨ THỊ MAI HƯƠNG

Tiến sĩ Địa lí học (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội), giảng viên khoa Địa lí, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tác giả của một số sách tham khảo và nhiều đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến Địa lí.



NGUYỄN THỊ TRANG THANH

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Địa lí học (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội), Phó Viện Trưởng Viện Sư phạm Xã hội, Trường Đại học Vinh. Tác giả Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 môn Địa lí. Tham gia tập huấn cho GV phổ thông cốt cán Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.



LÊ MỸ DUNG

Tiến sĩ Địa lí học (Trường Đại học Sư phạm Hà Nội), giảng viên khoa Địa lí Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Tác giả của một số sách tham khảo cho dạy và học môn Địa lí ở phổ thông; tác giả sách giáo trình cho bậc đại học, cao đẳng.



3.2. Phân phối chương trình Địa lí 10

Các bài học trong Địa lí 10 được biên soạn bám sát theo Chương trình GDPT năm 2018 môn Địa lí.

Toàn bộ thời lượng của môn Địa lí 10 là 105 tiết, trong đó, có 70 tiết kiến thức cốt lõi và 35 tiết chuyên đề học tập.

Mặc dù trong Chương trình môn học chỉ gợi ý tỉ lệ phần trăm cho các mạch nội dung, nhưng để thuận lợi cho GV và các nhà trường trong triển khai công việc dạy học, dựa trên kinh nghiệm lên kế hoạch dạy học những năm qua, chúng tôi đưa ra kế hoạch dạy học như sau.

Phần *kiến thức cốt lõi (SGK) Địa lí 10* gồm 62 tiết học kiến thức mới; 8 tiết ôn tập, kiểm tra, đánh giá giữa kì và cuối kì. Cụ thể:

Học kì I: 31 tiết + 4 tiết ôn tập, kiểm tra = 35 tiết.

– Có thể tổ chức ôn tập giữa kì và kiểm tra viết (giữa kì) sau bài 7.

– Có thể tổ chức ôn tập Học kì I và Kiểm tra Học kì I sau bài 15.

Học kì II: 31 tiết + 4 tiết ôn tập, kiểm tra = 35 tiết.

– Có thể tổ chức ôn tập giữa kì và kiểm tra viết (giữa kì) sau bài 23.

– Tổ chức ôn tập Học kì II và Kiểm tra Học kì II sau bài 30.

Phần *Chuyên đề học tập Địa lí 10* gồm 35 tiết, trong đó:

– Chuyên đề 1. Biến đổi khí hậu: 10 tiết.

– Chuyên đề 2. Đô thị hoá: 15 tiết.

– Chuyên đề 3. Phương pháp viết báo cáo địa lí: 10 tiết.

Các chương, bài trong SGK Địa lí 10 và số tiết

Chương, bài	Số tiết
PHẦN 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG	
Bài 1. Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh	1
Bài 2. Sử dụng bản đồ	3
PHẦN 2. ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN	
Chương 1. Trái Đất	
Bài 3. Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng	1
Bài 4. Hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái Đất	3
Chương 2. Thạch quyển	

Bài 5. Thạch quyển. Nội lực và tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất	3
Bài 6. Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất	2
Chương 3. Khí quyển	
Bài 7. Khí quyển. Nhiệt độ không khí	2
Bài 8. Khí áp, gió và mưa	4
Bài 9. Thực hành: Đọc bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất. Phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu	1
Chương 4. Thủy quyển	
Bài 10. Thủy quyển. Nước trên lục địa	3
Bài 11. Nước biển và đại dương	2
Chương 5. Sinh quyển	
Bài 12. Đất và sinh quyển	3
Bài 13. Thực hành: Phân tích bản đồ, sơ đồ về phân bố của đất và sinh vật trên thế giới	1
Chương 6. Một số quy luật của vỏ địa lí	
Bài 14. Vỏ địa lí. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh	1
Bài 15. Quy luật địa đới và phi địa đới	2
PHẦN 3. ĐỊA LÍ KINH TẾ – XÃ HỘI	
Chương 7. Địa lí dân cư	
Bài 16. Dân số và gia tăng dân số. Cơ cấu dân số	2
Bài 17. Phân bố dân cư và đô thị hoá	2
Chương 8. Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế	
Bài 18. Các nguồn lực phát triển kinh tế	1
Bài 19. Cơ cấu nền kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia	2
Chương 9. Địa lí các ngành kinh tế	



ĐỊA LÍ NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN	
Bài 20. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	1
Bài 21. Địa lí các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	4
Bài 22. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp	1
ĐỊA LÍ CÔNG NGHIỆP	
Bài 23. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp	1
Bài 24. Địa lí một số ngành công nghiệp	4
Bài 25. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp	1
ĐỊA LÍ DỊCH VỤ	
Bài 26. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ	1
Bài 27. Địa lí giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	4
Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch	4
Chương 10. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	
Bài 29. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên	1
Bài 30. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh	1

Lưu ý: Số tiết của mỗi bài học mang tính chất dự kiến, GV có thể thay đổi linh hoạt tùy thuộc vào kế hoạch của từng nhà trường.

3.3. Quan điểm tiếp cận

3.3.1. Sách giáo khoa Địa lí 10 biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 môn Địa lí

Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 môn Địa lí được ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26-12-2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Chương trình năm 2018).

Chương trình năm 2018 là CT mở, phục vụ cho chủ trương một chương trình nhiều SGK, vì thế chỉ nêu lên mục tiêu, các yêu cầu cần đạt và một số nội dung cốt lõi của mỗi lớp, mỗi cấp. Còn việc cách thức tổ chức dạy học thế nào, nội dung nào trước, nội dung nào sau,... hoàn toàn do các bộ sách và GV tự quyết định. Có nghĩa là trong thực tế các bộ SGK môn Địa lí 10 sẽ có cách triển khai rất khác nhau, nhưng tất cả đều phải hướng đến mục tiêu và đáp ứng được các yêu cầu cần đạt mà Chương trình đã nêu lên.

Chương trình Giáo dục phổ thông Quốc gia chỉ có một. Từ Chương trình, các địa phương căn cứ vào thực tiễn để thực hiện hoạt động giáo dục. Tức là Chương trình chỉ quy định “kết quả đầu ra” bằng các yêu cầu cần đạt đối với HS. Từ yêu cầu cần đạt này, Chương trình nêu lên một số kiến thức cốt lõi cần dạy để đạt được các yêu cầu. Cái đích của dạy và học là yêu cầu cần đạt; còn dạy thông qua cái gì, bằng cách nào là quyền của người soạn SGK và GV. Chương trình trở thành cơ sở quan trọng nhất của việc dạy học, từ biên soạn SGK, lựa chọn phương pháp và kiểm tra, đánh giá. SGK chỉ là một trong những tài liệu dạy học quan trọng nhưng không bắt buộc. GV có thể dạy theo bất kì bộ sách nào và lấy tư liệu từ các nguồn khác nhau để hướng dẫn HS học hằng ngày, miễn là đáp ứng được yêu cầu của Chương trình.

SGK trở thành công cụ, phương tiện để giúp GV, HS dạy và học nhằm đạt được mục tiêu, yêu cầu của Chương trình. Vì thế khi kiểm tra, đánh giá phải dựa vào yêu cầu cần đạt của Chương trình, không dựa vào một SGK cụ thể nào cả.

Chính vì vậy, để thuận tiện và hiệu quả nhất cho GV và HS, trong quá trình biên soạn Địa lí 10 – Cánh Diều, nhóm đã giả đã bám sát vào từng câu, từng chữ, phân tích chi tiết mỗi yêu cầu cần đạt trong Chương trình năm 2018 môn Địa lí.

3.3.2. Các bài học được xây dựng theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh

– Về các phẩm chất chủ yếu, Chương trình tổng thể xác định là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm. Kiến thức trong SGK bao gồm lĩnh vực địa lí tự nhiên đại cương và địa lí kinh tế – xã hội đại cương. Thông qua các kiến thức cơ bản đó cùng với việc sử dụng các tư liệu, hình ảnh và tình huống cụ thể trên thế giới cũng như ở Việt Nam, HS bước đầu hình thành được tình yêu quê hương đất nước, lòng nhân ái, chăm chỉ, trung thực và sống có trách nhiệm.

– Các năng lực chung trong Chương trình tổng thể gồm năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo. Các bài học trong SGK đã đưa ra các câu hỏi, bài tập cũng như các tình huống yêu cầu HS phải giải quyết (thí dụ, cần tìm thêm tài liệu, thông tin từ các nguồn khác nhau hoặc phải có ý kiến riêng của mình về một tình huống nào đó...) để từ đó góp phần hình thành năng lực tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề. Ngoài ra, việc thay đổi các hình thức tổ chức hoạt động dạy học cả trên lớp và ngoài giờ lên lớp tạo ra cơ hội giúp HS thể hiện được năng lực chung của mình như năng lực giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

Việc hình thành và phát triển năng lực đặc thù địa lí là điểm nhấn trung tâm để tạo ra điểm mới trong SGK Địa lí 10. Năng lực này được triển khai nhất quán trong các bài học.

Năng lực đặc thù địa lí bao gồm 3 thành phần. Trước hết là nhận thức khoa học địa lí với các biểu hiện cụ thể như nhận thức thế giới theo quan điểm không gian và giải thích các hiện tượng, quá trình địa lí (tự nhiên, kinh tế – xã hội). Tiếp theo là tìm hiểu địa lí với các biểu hiện gồm sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, sơ đồ, biểu đồ, số liệu...), tổ chức học tập ở thực địa và khai thác internet phục vụ môn học. Thành phần cuối cùng là vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học như cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, thực hiện chủ đề học tập khám phá từ



thực tiễn và vận dụng tri thức địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ của HS.

Để hình thành được năng lực, cần phải có kiến thức và kĩ năng. Từ hệ thống kiến thức cơ bản về địa lí đại cương (tự nhiên, kinh tế – xã hội) trong SGK cùng với các kĩ năng, HS dần dần hình thành năng lực ở các mức độ từ thấp đến cao phù hợp với từng lớp học, cấp học.

Các bản đồ thế giới tuy kích thước trong SGK là nhỏ, nhưng đều có thể hiện ở mức độ có thể nhận biết được đảo Phú Quốc, quần đảo Côn Sơn, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, nhắc nhở HS và những người sử dụng sách về chủ quyền lãnh thổ Quốc gia.

Các tình huống học tập được xây dựng trong các bài học luôn khuyến khích HS chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. GV có thể xây dựng các tình huống học tập khám phá, hoạt động nhóm, thông qua đó đánh giá được các phẩm chất này của HS.

3.3.3. Nội dung các bài học tạo điều kiện cho giáo viên đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập

a. Các bài học tạo điều kiện cho GV đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học dựa trên cơ sở:

– Mỗi chương dành cho một chủ đề và các bài học trong chương được phân bổ nội dung logic, lượng kiến thức mới vừa phải, để GV có thời gian thực hiện và thay đổi các phương pháp và hình thức dạy học.

– Tư liệu học tập phong phú, được lựa chọn và biên soạn có ý đồ về mặt phương pháp dạy học. Có sự kết hợp chặt chẽ giữa kênh chữ và kênh hình.

– Trong bài có các gợi ý về câu hỏi, tình huống học tập, có liên quan hay phát triển từ các tư liệu học tập có trong bài hoặc có liên quan đến việc “móc nối” kiến thức ở bài trước.

GV hoàn toàn có thể dựa trên các học liệu và các tình huống được gợi ý trong Địa lí 10 để thay đổi phương pháp và hình thức dạy học nhằm nâng cao hiệu quả dạy học và phát triển phẩm chất, năng lực của HS.

b. Các bài học trong Địa lí 10 khuyến khích HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập dựa trên cơ sở:

– Nội dung SGK được tổ chức để HS dễ dàng tiếp nhận văn bản và văn phong sáng rõ, thân thiện với HS.

– Nội dung bài học với các bài tập có tính tình huống luôn khuyến khích HS đi từ cái đã biết đến khám phá cái chưa biết, vận dụng kiến thức đã học vào các trường hợp tương tự, tăng cường suy luận và giải thích.

– Nội dung các hoạt động học tập khuyến khích HS tự tìm kiếm thông tin (ví dụ, có các gợi ý tìm kiếm thông tin trên internet, tìm dẫn chứng từ cuộc sống tại địa phương).

– Nội dung bài học cân đối giữa kiến thức sự kiện (về các đối tượng, hiện tượng địa lí cụ thể) và kiến thức lí thuyết. Có các nội dung mở rộng để HS chủ động trong học tập và có kiến thức cơ bản tốt để học tập sáng tạo.

3.3.4. Các bài học chú trọng tích hợp, thực hành và vận dụng

Địa lí 10 chú trọng tích hợp, thực hành, gắn nội dung bài học với thực tiễn nhằm rèn luyện cho HS kỹ năng vận dụng kiến thức địa lí vào việc tìm hiểu và giải quyết ở mức độ nhất định một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng đòi hỏi của cuộc sống.

Trong các bài học Địa lí 10, tính tích hợp được thể hiện ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau:

– Tích hợp nội môn là nổi bật, để HS hiểu được sự tác động qua lại giữa các thành phần tự nhiên, giữa tự nhiên với hoạt động kinh tế và con người.

– Kết hợp giáo dục các vấn đề xuyên môn: lồng ghép các nội dung liên quan (giáo dục môi trường, giáo dục phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu, giáo dục dân số,...) vào nội dung địa lí; vận dụng kiến thức các môn học khác (Giáo dục công dân, Toán, Khoa học tự nhiên, Tin học,...) trong việc làm sáng rõ các kiến thức địa lí.

Địa lí 10 xác định thực hành, luyện tập, vận dụng là những nội dung quan trọng, đồng thời là công cụ thiết thực, hiệu quả để phát triển năng lực cho HS. Nội dung này chú trọng việc vận dụng kiến thức địa lí vào thực tiễn nhằm góp phần phát triển các năng lực đặc thù. Điều này được thể hiện ở mỗi bài đều có các tình huống vận dụng kiến thức vào đời sống thực tiễn, đặc biệt ở các bài thực hành.

4. ĐIỂM MỚI CỦA SÁCH GIÁO KHOA ĐỊA LÍ 10

4.1. Điểm mới thứ nhất và cũng là quan trọng nhất của SGK Địa lí 10 là chuyển từ việc tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực

Đây là xu hướng chung của thế giới và đang được triển khai ở Việt Nam.

Thông qua các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực địa lí tự nhiên, dân cư, kinh tế cùng với việc sử dụng các tư liệu, hình ảnh và tình huống cụ thể trên thế giới cũng như ở Việt Nam, HS bước đầu hình thành được tình yêu quê hương, đất nước; lòng nhân ái, chăm chỉ, trung thực và sống có trách nhiệm.

Các bài học trong SGK Địa lí 10 đã đưa ra nhiều câu hỏi, bài tập cũng như tình huống yêu cầu HS phải giải quyết (ví dụ như cần tìm thêm tài liệu, thông tin từ các nguồn khác nhau hoặc phải đưa ra ý kiến riêng của mình,...) để từ đó góp phần hình thành năng lực tự chủ, tự học, giải quyết vấn đề.

4.2. Điểm mới thứ hai, SGK Địa lí 10 đảm bảo tính kế thừa và hiện đại

Kế thừa những ưu điểm của SGK Địa lí 10 trước đó, đặc biệt là SGK theo Chương trình năm 2006, tiếp thu kinh nghiệm của các nước có nền giáo dục tiên tiến cùng với thực tiễn giáo dục, điều kiện và khả năng học tập của HS ở các vùng, miền khác nhau.

SGK Địa lí 10 đảm bảo được tính hiện đại. Điều đó được thể hiện ở việc hiện đại hoá hệ thống kiến thức, bổ sung những kiến thức mới như: tác động của công nghiệp đối với môi trường; sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo; định hướng phát triển nông nghiệp, công nghiệp trong tương lai; tài chính, ngân hàng, dịch vụ; phát triển bền vững; tăng trưởng xanh;... và cập nhật hệ thống số liệu trong điều kiện có thể (đến năm 2019).



Cấu trúc rõ ràng, tường minh, ví dụ như ở phần địa lí các ngành: vai trò, đặc điểm, sự phân bố và vấn đề môi trường hoặc định hướng phát triển.

Đối với việc biên soạn SGK, bám sát vào Chương trình là yêu cầu bắt buộc. Tuy nhiên, để SGK Địa lí 10 có chất lượng, một mặt phải bám sát Chương trình nhưng mặt khác lại cần sự linh hoạt. Xin dẫn ra các ví dụ trong việc linh hoạt bám sát Chương trình như sau:

– Trong Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018 môn Địa lí trang 15 có nội dung “nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản” với 8 yêu cầu cần đạt. Nếu cứ biên soạn máy móc theo yêu cầu cần đạt thì sẽ dẫn đến sự lặp đi lặp lại về vai trò, đặc điểm của các ngành cấp 1 (nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản) với các ngành cấp 2, cấp 3 trong yêu cầu thứ ba (các ngành trong nông nghiệp được hiểu là trồng trọt – ngành cấp 2; trồng cây lương thực hay cây công nghiệp – ngành cấp 3; rồi ngành trồng lúa, ngành trồng cây công nghiệp lấy sợi,... – ngành cấp 4),... Vì thế, các tác giả đã có sự chọn lọc để tránh trùng lặp.

– Ngoài ra, việc phân loại ngành giữa Việt Nam và thế giới cũng ít nhiều có sự khác biệt. Ở Việt Nam, khu vực I gồm các ngành nông, lâm, thủy sản. Trên thế giới, nông nghiệp bao gồm trồng trọt, chăn nuôi, trồng rừng (của ngành lâm nghiệp) và nuôi trồng thủy sản (của ngành thủy sản). Để giải quyết sự khác biệt này, chúng tôi cho rằng đối với lớp 10, HS học địa lí đại cương (tự nhiên, kinh tế – xã hội) nên sẽ theo cách phân loại của thế giới; đến lớp 12, khi học về địa lí Việt Nam sẽ học theo cách phân loại của Việt Nam. Ở nội dung này, SGK Địa lí 10 được biên soạn theo quan niệm trên để góp phần đảm bảo chất lượng của sách.

– Tương tự như vậy, ở nội dung “Dịch vụ” với 6 yêu cầu cần đạt (trang 16). Để khỏi lặp lại về vai trò, đặc điểm của dịch vụ nói chung với các ngành nói riêng (như giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thương mại, du lịch, tài chính ngân hàng), chúng tôi cũng xử lí như đối với các ngành nông, lâm, thủy sản,...

4.3. Điểm mới thứ ba, SGK Địa lí 10 góp phần giúp giáo viên và học sinh đổi mới trong quá trình dạy và học

– GV đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đổi mới cách đánh giá thông qua hệ thống kênh hình, có sự tương tác trực tiếp với HS.

– HS được chủ động, sáng tạo trong học tập và có nhiều cơ hội tăng cường thực hành, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

Tính thực hành, vận dụng được chú trọng trong mỗi bài học, nhiều nội dung trong bài gắn liền với thực tiễn (thế giới, Việt Nam hoặc địa phương). Đặc biệt là các tình huống ở bài thực hành và phần Vận dụng.

Ví dụ:

– Hãy thu thập thông tin tìm hiểu về một loại hình giao thông vận tải hoặc dịch vụ bưu chính viễn thông ở địa phương em (SGK Địa lí 10, trang 106).

– Hãy thu thập tài liệu, viết một báo cáo ngắn về một trong các vấn đề công nghiệp ở địa phương em hoặc ở Việt Nam (SGK Địa lí 10, trang 90).



Mức độ vận dụng của HS cũng đã được tính toán để phù hợp với trình độ và tâm lí lứa tuổi HS lớp 10.

4.4. Điểm mới thứ tư, SGK Địa lí 10 chú trọng yêu cầu tích hợp

Đối với Địa lí 10, tích hợp được thể hiện ở nhiều mức độ và hình thức khác nhau. Đó là:

– Tích hợp giữa các kiến thức địa lí tự nhiên với địa lí kinh tế – xã hội, lồng ghép các nội dung liên quan như điều kiện tự nhiên với sự phát triển của các hoạt động kinh tế, phân bố dân cư,...

– Vận dụng kiến thức của các môn học khác (Toán học, Tin học, Lịch sử,...) để làm rõ các kiến thức địa lí. Ví dụ: tính toán số liệu để vẽ biểu đồ, để phân tích tình hình sản xuất của một sản phẩm công nghiệp; sử dụng công nghệ thông tin để tìm kiếm, thu thập tài liệu,...

Ở các mức độ khác nhau, tất cả các hình thức này đã được chú ý trong quá trình biên soạn SGK Địa lí 10.

4.5. Điểm mới thứ năm, SGK Địa lí 10 có sự đổi mới về hình thức và cách trình bày

Cấu trúc các tuyến kiến thức thể hiện rõ những nội dung cốt lõi mà HS cần học và các phần mở rộng, vận dụng.

Hình thức của SGK Địa lí 10 có nhiều ưu thế vượt trội so với các SGK trước đó. Điều này thể hiện rất rõ ở cả kênh chữ, kênh hình và cấu trúc sách.

Để tạo thuận lợi cho GV tổ chức hoạt động học tập, các bài học trong Địa lí 10 được cấu trúc theo 2 tuyến: tuyến chính và tuyến phụ. Tuyến chính là các nội dung cốt lõi, đảm bảo để HS đạt được các yêu cầu của từng nội dung giáo dục, được cấu trúc gồm: tên bài học, yêu cầu cần đạt, khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng. Tuyến phụ là ô “Em có biết?” nhằm trang bị thêm cho HS nhiều nguồn học liệu liên quan đến bài học, mở rộng và nâng cao kiến thức.

Các đề mục trong tuyến chính không đánh số 1, 2, 3,... nhằm tạo điều kiện cho GV chủ động, linh hoạt trong quá trình dạy học. Tùy theo điều kiện của mỗi lớp, mỗi trường, GV chủ động sắp xếp dạy các nội dung dạy trước sau.

Cấu trúc và cách thức trình bày này được thống nhất từ lớp 6 đến lớp 12 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho bạn đọc khi theo dõi bộ sách Địa lí – Cánh Diều.

So với SGK theo Chương trình năm 2006, khối lượng kiến thức mới nhiều hơn nhưng số bài được giảm bớt (từ 42 bài còn 30 bài) và số trang cũng được rút gọn (từ 168 trang còn 128 trang).

Bản đồ là công cụ không thể thiếu trong dạy học Địa lí. Trong SGK Địa lí 10, các bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ được xây dựng kĩ lưỡng cả về nội dung khoa học và chất lượng hình ảnh; tạo ra tình huống học tập, vừa là nguồn tri thức địa lí, vừa tạo điều kiện để HS phát triển các kĩ năng và năng lực tìm hiểu địa lí.

ĐỊA LÍ CÔNG NGHIỆP

BÀI 23

VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CƠ CẤU, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp.
- Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp.



Công nghiệp là tập hợp các hoạt động sản xuất sử dụng máy móc, công nghệ để khai thác tài nguyên, chế biến các nguyên liệu thành sản phẩm hàng hoá phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của con người. Công nghiệp có vai trò như thế nào trong nền kinh tế và có những đặc điểm gì nổi bật? Sự phát triển và phân bố công nghiệp chịu ảnh hưởng của các nhân tố nào?



VAI TRÒ CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP

Công nghiệp là ngành sản xuất đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

- Cung cấp tư liệu sản xuất cho nền kinh tế, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Cung cấp hàng tiêu dùng phong phú, đa dạng cho cuộc sống con người; góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, nâng cao trình độ văn minh cho xã hội.
- Góp phần khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên, làm biến đổi sâu sắc không gian kinh tế, đóng vai trò là hạt nhân phát triển vùng.



Đọc thông tin, hãy nêu vai trò của công nghiệp trong nền kinh tế và đời sống. Lấy ví dụ cụ thể.



Xây dựng là ngành sản xuất vật chất được phát triển ở hầu khắp các nước trên thế giới, có vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế và đời sống xã hội. Xây dựng bao gồm các hoạt động thiết kế, thi công các công trình cơ sở hạ tầng, công nghiệp, dân dụng, quốc phòng; cơ sở phục vụ đời sống con người như nhà ở, khu đô thị, trường học, bệnh viện,...

Ở nước ta, xây dựng được xếp vào nhóm ngành công nghiệp – xây dựng, đóng góp khoảng 18,0 % GDP của cả nhóm ngành và khoảng 6,0 % GDP cả nước (giai đoạn 2010 – 2020).



CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP

NHÂN TỐ		ẢNH HƯỞNG
Tự nhiên	Vị trí địa lý	– Lựa chọn địa điểm xây dựng, phân bố công nghiệp. – Khả năng tiếp cận thị trường.
	Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	– Khoáng sản ảnh hưởng trực tiếp đến cơ cấu ngành và lãnh thổ. – Quý đất và giá đất ảnh hưởng đến phân bố công nghiệp. – Tài nguyên nước, rừng, biển ảnh hưởng đến phân bố các ngành công nghiệp.
Kinh tế – xã hội	Dân cư, lao động	– Đảm bảo lực lượng sản xuất (số lượng, chất lượng). – Tác động đến thị trường tiêu thụ.
	Khoa học – công nghệ	– Thay đổi quy trình công nghệ, sử dụng năng lượng tái tạo, nguyên liệu thay thế cho phát triển bền vững. – Xuất hiện các ngành mới, lĩnh vực hoạt động trong phân bố.
	Vốn đầu tư và thị trường	– Đòn bẩy cho phát triển và phân bố công nghiệp. – Thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp.
	Chính sách phát triển công nghiệp	– Ảnh hưởng tới sự phân bố và cơ cấu ngành công nghiệp trong từng giai đoạn. – Xác định các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. – Xây dựng thương hiệu sản phẩm.

Hình 23.3. Sơ đồ các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp



Quan sát hình 23.3, hãy lựa chọn và phân tích một trong ba nhóm nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp. Lấy ví dụ minh họa.



1. Hãy nêu sự khác biệt giữa đặc điểm của ngành công nghiệp với ngành nông nghiệp.



2. Hãy thu thập thông tin về cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Trong Địa lí 10, có hai kiểu bài học chính là: kiểu bài hình thành kiến thức mới và kiểu bài thực hành.

– **Kiểu bài học hình thành kiến thức mới:** giúp HS đạt được các yêu cầu cần đạt về kiến thức để góp phần phát triển năng lực, đặc biệt là năng lực nhận thức khoa học Địa lí. Trong các bài hình thành kiến thức mới, tác giả cũng đã lồng ghép vào những tình huống thực hành vừa đảm bảo yêu cầu cần đạt của Chương trình, vừa tránh tình trạng thụ động của HS khi học.

– **Kiểu bài học thực hành:** giúp HS vận dụng tri thức địa lí đã học vào thực tiễn học tập và đời sống. Kiểu bài học này góp phần đặc lực vào việc hình thành, phát triển cho HS các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo) và các năng lực địa lí (tìm hiểu địa lí, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học).

5. YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Định hướng chung

Để tổ chức hoạt động học tập trong dạy học Địa lí 10 nhằm phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, GV cần chú trọng tới một số vấn đề về phương pháp giáo dục sau:

Tích cực hoá hoạt động của HS; GV là người tổ chức, hướng dẫn, khuyến khích, tạo môi trường học tập thân thiện; HS học tập chủ động, sáng tạo, tập trung rèn luyện năng lực tự học.

Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, gắn bài học địa lí với thực tiễn địa phương, đất nước, thế giới; vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề môi trường, kinh tế – xã hội tại địa phương, từ đó phát triển nhận thức, kĩ năng, hình thành phẩm chất, năng lực đặc thù và năng lực chung.

Đa dạng hoá các phương pháp dạy học, kết hợp linh hoạt các phương pháp dạy học tiên tiến, các phương pháp dạy học đặc thù của môn học như: sử dụng bản đồ, sơ đồ, số liệu thống kê, biểu đồ, tranh ảnh, mô hình, quan sát tranh ảnh, thực địa; cải tiến và sử dụng theo hướng phát huy tính tích cực các phương pháp dạy học truyền thống như: thuyết trình, hỏi đáp,...

Tổ chức, hướng dẫn, tạo điều kiện để HS tìm tòi, khám phá, khai thác và chiếm lĩnh kiến thức từ các phương tiện dạy học địa lí như: bản đồ, atlas, tranh ảnh, mô hình,... Khuyến khích, tạo điều kiện, xây dựng môi trường học tập thuận lợi cho HS khai thác kiến thức từ internet để phục vụ học tập, rèn luyện cho HS kĩ năng xử lí, trình bày bằng công nghệ thông tin và truyền thông,... tăng cường tự làm các thiết bị dạy học với việc ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (lập website học tập, xây dựng hệ thống bài học, bài tập, thực hành, bài kiểm tra bằng các phần mềm thông dụng và thích hợp, xây dựng các video clip giới thiệu sự vật, hiện tượng địa lí,...).

5.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung cho học sinh

Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, môn Địa lí giáo dục cho HS thế giới quan khoa học, lòng yêu nước, tình yêu thiên nhiên, tình cảm yêu thương người lao động, thái độ tôn trọng những giá trị nhân văn khác; ý thức, niềm tin, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường; rèn luyện cho HS các đức tính chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.

Các năng lực địa lí cần hình thành:

- Năng lực tự chủ và tự học được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động học tập như: thu thập thông tin và trình bày báo cáo địa lí; khảo sát, điều tra thực tế địa phương; vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tế;...
- Năng lực giao tiếp và hợp tác được hình thành thông qua các hoạt động nhóm và phương pháp dạy học thảo luận, dạy học dự án, seminar,...
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, nêu giả thuyết hoặc giả định, tìm logic trong giải quyết vấn đề, đề xuất được giải pháp để giải quyết vấn đề, đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề, tưởng tượng khoa học, giải quyết vấn đề mới, tự học về lí thuyết và công cụ địa lí.

5.3. Định hướng về phương pháp hình thành và phát triển năng lực địa lí

Để hình thành, phát triển năng lực địa lí cho HS, GV lựa chọn các kiến thức thực tế tiêu biểu, sử dụng hiệu quả các phương tiện trực quan như mô hình, bản đồ, video clip,... để hình thành các biểu tượng địa lí; hướng dẫn HS học từ thấp đến cao về các mối liên hệ và quan hệ nhân quả diễn ra trong thiên nhiên, trong xã hội và trong mối quan hệ giữa xã hội, con người và môi trường.

Để hình thành, phát triển năng lực địa lí cho HS, GV hướng dẫn HS tham gia vào quá trình tìm kiếm, sắp xếp, phân tích thông tin bằng cách khai thác tri thức từ các nguồn tư liệu bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, hình ảnh, số liệu,... kết hợp với quan sát thực địa; chú trọng phát triển tư duy không gian, với các câu hỏi: “Cái gì?”, “Ở đâu?”, “Như thế nào?”, “Tại sao?": khơi dậy và nuôi dưỡng trí tò mò, sự ham hiểu biết khám phá của HS đối với thiên nhiên và đời sống xã hội, thái độ tích cực đối với phát triển bền vững; rèn luyện khả năng và thói quen liên hệ với thực tế địa phương, đất nước để phát triển tư duy địa lí;...

Một trong những biện pháp quan trọng nhất để học địa lí là rèn luyện kĩ năng sử dụng các công cụ học tập như: bản đồ, atlas, biểu đồ, bảng số liệu thống kê, tranh ảnh, video clip, tra cứu các tài liệu đa phương thức, sách e-book và một số ứng dụng trong điện thoại thông minh như bản đồ chỉ đường, hệ thống định vị toàn cầu,...

Các hình thức tổ chức dạy học cũng cần được đa dạng hoá: kết hợp các hình thức học cá nhân, học nhóm, học ở lớp, trên thực địa, học theo dự án học tập,...

5.4. Cách thức tổ chức dạy học Địa lí 10 theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực

Lựa chọn cách thức tổ chức các hoạt động học tập, chiến lược dạy học như thế nào để đạt được mục tiêu là một nhiệm vụ rất quan trọng của GV. Trong dạy học Địa lí, đó là các quá trình tổ chức cho HS tìm hiểu về các quá trình tự nhiên, kinh tế – xã hội diễn ra trong không gian và thời gian; tìm hiểu về sự tương tác giữa xã hội loài người với môi trường tự nhiên; là cách thức tổ chức cho HS biết cách sử dụng các công cụ của khoa học địa lí; đồng thời góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác hình thành, phát triển ở HS những phẩm chất cơ bản của người công dân thời đại mới, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào về truyền thống dân tộc, thái độ tôn trọng sự đa dạng của môi trường tự nhiên và nhân văn trên thế giới; khơi dậy ở HS ước muốn khám phá thế giới xung quanh, vận dụng những

điều đã học vào thực tế. Do vậy, để tổ chức hiệu quả các hoạt động dạy học Địa lí 10, GV cần phải quan tâm tới một số vấn đề sau:

Một là: GV phải xác định được rõ các mục tiêu bài học.

Mục tiêu của bài học còn gọi là yêu cầu cần đạt của bài học, là kết quả mong đợi của bài học. HS phải đạt được những gì về kiến thức, kĩ năng, thái độ và năng lực có thể hình thành và phát triển cho HS sau mỗi bài học. Xác định yêu cầu cần đạt/ mục tiêu bài học chính là xác định “đầu ra” của quá trình dạy học. Mục tiêu của bài học chính là “kim chỉ nam” định hướng cho việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS. Từ những yêu cầu cần đạt này, GV có thể dễ dàng xác định xem bài học này góp phần phát triển cho HS những phẩm chất và năng lực nào.

Trong Địa lí 10, yêu cầu cần đạt về nội dung giáo dục liên quan đến bài học đã được thể hiện ở phần đầu của mỗi bài học. Các yêu cầu này là các yêu cầu đã được quy định trong Chương trình GDPT môn Địa lí. Do vậy, GV có thể dựa vào đây để xác định mục tiêu của bài học, để định hướng các hoạt động cần tổ chức cho HS khi tìm hiểu về nội dung giáo dục đó.

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu ở Bài 22. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, GV cần tổ chức cho HS đạt được các yêu cầu cần đạt sau và đây cũng chính là mục tiêu của bài học.

Các yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục trong Bài 22:

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp; phân biệt được vai trò, đặc điểm của một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
- Nêu được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới; những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.

Việc đưa yêu cầu cần đạt vào trong các bài học Địa lí 10 là một trong những điểm mới của SGK Địa lí 10. Thông qua các yêu cầu này, GV có thể xác định được mục tiêu của bài học, đích cần đến của HS để từ đó tìm cách tổ chức hoạt động học tập cho HS phù hợp.

Hai là: Xác định rõ nội dung các hoạt động và nhiệm vụ dạy học cần phải tổ chức cho HS trong mỗi bài học.

Trong dạy học theo định hướng hình thành và phát triển phẩm chất và năng lực cho HS, việc học tập của HS được thể hiện qua chuỗi các hoạt động dạy học. Cụ thể như: hoạt động mở đầu, hoạt động hình thành kiến thức mới, hoạt động luyện tập và vận dụng.

*** Hoạt động mở đầu**

– Mục đích: Tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong SGK, các tài liệu học tập; làm bộc lộ “cái” HS đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra “cái” chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp HS suy nghĩ và bộc lộ những quan niệm của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập. Vì vậy, các câu hỏi/ nhiệm vụ trong các hoạt động này là những câu hỏi/ vấn đề mở, không cần có câu trả lời hoàn chỉnh. Kết thúc hoạt động

này, GV không chốt về nội dung kiến thức mà chỉ giúp HS phát biểu được vấn đề để chuyển sang các hoạt động tiếp theo nhằm bổ sung những kiến thức, kỹ năng mới, qua đó tiếp tục hoàn thiện câu trả lời hoặc giải quyết được vấn đề.

– Phương thức thực hiện: Thông qua các câu hỏi/ tình huống có vấn đề để HS huy động kiến thức, kỹ năng có liên quan, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi gợi mở hoặc đưa ra ý kiến nhận xét về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiến thức sẽ học trong chủ đề bài học (bản khoản, dự đoán tình huống sẽ xảy ra, dự đoán câu trả lời,...). GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu hướng dẫn học; làm bộc lộ “cái” HS đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra “cái” chưa biết và muốn biết.

– Sản phẩm: Các câu hỏi nhận thức, dự đoán, giả sử/ giả thuyết liên quan đến chủ đề bài học mới, dự kiến kế hoạch học tập tiếp theo của HS. Các sản phẩm này chỉ được hình thành thông qua hoạt động học tập trên lớp của HS theo hướng dẫn của GV.

– Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:

+ Tình huống/ câu hỏi/ lệnh xuất phát nhằm huy động kiến thức/ kỹ năng/ kinh nghiệm sẵn có nào đó của HS (HS đã học kiến thức/ kỹ năng đó khi nào?).

+ Vận dụng kiến thức/ kỹ năng/ kinh nghiệm đã có đó thì HS có thể trả lời câu hỏi/ thực hiện lệnh đã nêu đến mức độ nào? Dự kiến các câu trả lời/ sản phẩm học tập mà HS có thể hoàn thành.

+ Để hoàn thiện câu trả lời/ sản phẩm học tập nói trên, HS cần vận dụng kiến thức/ kỹ năng mới nào sẽ học ở phần tiếp theo trong hoạt động hình thành kiến thức (có thể không phải là toàn bộ kiến thức/ kỹ năng mới trong bài).

Lưu ý: Khi xây dựng tình huống xuất phát phải gần gũi với đời sống mà HS dễ cảm nhận và đã có ít nhiều những quan niệm ban đầu về chúng. Việc xây dựng tình huống xuất phát cần phải chú ý tạo điều kiện cho HS kết nối giữa cái biết và cái chưa biết, hứng thú và mong tìm cái chưa biết.

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu về Bài 22 – Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, GV có thể sử dụng một trong các cách sau để tạo ra tình huống xuất phát cho HS.

Phương án 1: GV có thể sử dụng phần mở đầu trong SGK.

“Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp là một trong những hình thức tổ chức lãnh thổ kinh tế. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp luôn thay đổi phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Vậy thế nào là tổ chức lãnh thổ nông nghiệp? Vai trò và đặc điểm của một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp như thế nào?”

Phương án 2: GV có thể sử dụng kỹ thuật KWLH để đặt HS vào tình huống xuất phát.

Em đã biết gì về các hình thức TCLTN? (K)	Em muốn biết gì về các hình thức TCLTN? (W)	Em đã học được gì các hình thức TCLTN? (L)	Liên hệ với địa phương em về các hình thức TCLTN. (H)
.....			

* Hoạt động hình thành kiến thức mới

– Mục đích: Hoạt động này giúp cho HS khám phá, hình thành kiến thức, phát triển kỹ năng mới theo yêu cầu cần đạt của bài. Thông qua các hoạt động học tập này, HS thay đổi những quan niệm sai, bổ sung những quan niệm chưa đầy đủ, phát hiện được kiến thức, kỹ năng mới theo yêu cầu cần đạt được đề cập đến trong bài học. Trong dạy học Địa lí 10 ở nhà trường, hoạt động và các nhiệm vụ học tập của HS tìm hiểu về những vấn đề địa lí tự nhiên đại cương và kinh tế xã hội đại cương.

– Phương thức thực hiện: GV xác định các hoạt động học tập cần tổ chức cho HS để đạt được mục tiêu/ yêu cầu cần đạt của bài học. Sau đó, GV vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học để tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm chiếm lĩnh tri thức mới và rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo địa lí.

– Sản phẩm học tập: Các biểu tượng địa lí, khái niệm, mối quan hệ giữa các quyển trong tự nhiên, mối quan hệ giữa tự nhiên – hoạt động kinh tế – con người,...

– Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:

+ Kiến thức, kỹ năng mới mà HS phải khám phá và chiếm lĩnh được của bài học là gì?

+ HS sẽ khám phá, chiếm lĩnh các kiến thức, kỹ năng đó bằng cách nào?

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu về Bài 22 – Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, GV có thể thiết kế các nhiệm vụ học tập cho HS như sau:

Yêu cầu cần đạt	Hoạt động hình thành kiến thức mới	Nhiệm vụ học tập của HS
Yêu cầu 1: Trình bày quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.	Hoạt động 1: Tìm hiểu quan niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.	Đọc thông tin trong SGK, hãy: – Trình bày quan niệm của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp. – Lấy ví dụ chứng minh tầm quan trọng của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
Yêu cầu 2: Phân biệt vai trò, đặc điểm của một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.	Hoạt động 2: Tìm hiểu về một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.	Dựa vào bảng 22, hãy trình bày vai trò, đặc điểm của một trong những hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.
Yêu cầu 3. Nêu một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới.	Hoạt động 3: Tìm hiểu về một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại.	Đọc thông tin trong SGK, hãy nêu một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới. Lấy ví dụ cụ thể.

Yêu cầu 4. Nêu những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.	Hoạt động 4. Tìm hiểu về định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.	Đọc thông tin trong SGK, hãy trình bày một số định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.
---	---	--

* Hoạt động luyện tập

– Mục đích: Hoạt động này nhằm giúp HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học, đồng thời, đánh giá xem HS có đạt được mục tiêu bài học hay không.

– Phương thức thực hiện: GV tổ chức cho HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học. Ở hoạt động này, HS có thể hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

– Sản phẩm: Lời giải và kết quả giải các câu hỏi, bài tập/ tình huống.

– Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:

+ HS sẽ làm gì để vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học?

+ Xây dựng và sử dụng những câu hỏi và bài tập nào để tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết những nội dung liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học?

Ví dụ: Đề tổ chức cho HS luyện tập sau khi học xong Bài 22 – Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, GV có thể tổ chức cho HS trả lời câu 1 ở phần luyện tập trong SGK.



1. Hãy lập sơ đồ để hệ thống hoá đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.

* Hoạt động vận dụng

– Mục đích: Hoạt động này giúp cho HS vận dụng kiến thức, kỹ năng của bài học để giải quyết một tình huống thực tiễn nào đó, đồng thời, giúp HS tăng cường ý thức tự tìm hiểu, mở rộng kiến thức, năng lực nghiên cứu, sáng tạo trong ứng dụng kiến thức; thấy rõ giá trị của kiến thức đối với cuộc sống của bản thân và cộng đồng; hứng thú với các hoạt động tìm hiểu tự nhiên và xã hội,...

– Phương thức thực hiện: HS vận dụng tri thức của bản thân, bao gồm: những kiến thức, kỹ năng (vừa được lĩnh hội), kinh nghiệm của bản thân trong nhiều tình huống khác nhau và tương tự để giải các bài tập/ tình huống mô phỏng thực tế cuộc sống trong và ngoài nhà trường hoặc nêu phương án giải quyết vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

– Sản phẩm: Sản phẩm thực hành, câu trả lời, lời giải và kết quả giải các bài tập/ tình huống, bản báo cáo, sản phẩm nghiên cứu của HS, các tư liệu, sản phẩm được HS sưu tầm, trích dẫn,... được trưng bày, báo cáo, thuyết trình.

– Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:

+ Cần tạo ra tình huống thực tiễn nào để HS có thể vận dụng kiến thức, kĩ năng của bài học để giải quyết?

+ Cần thay đổi gì trong hành vi, thái độ của bản thân HS?

Ví dụ: Để tổ chức hoạt động Vận dụng sau khi học xong Bài 22 – Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, GV có thể tổ chức cho HS trả lời câu hỏi 3 ở phần Vận dụng trong SGK.



2. Hãy thu thập thông tin về phát triển nông nghiệp hiện đại ở địa phương em.

6. VẤN ĐỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH TRONG DẠY HỌC ĐỊA LÍ 10

Để tổ chức đánh giá kết quả học tập của HS trong dạy học Địa lí 10. GV cần phải chú trọng một số vấn đề sau:

– Việc đánh giá kết quả giáo dục phải căn cứ vào yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù địa lí được quy định trong Chương trình tổng thể và chương trình GDPT năm 2018 môn Địa lí. Cần lưu ý là các phẩm chất và năng lực này được hình thành, củng cố và phát triển theo lộ trình, nên trong khi đánh giá, cần xác định rõ HS đã/đang đứng ở đâu trong lộ trình đạt tới các kết quả đầu ra kì vọng, và GV cần phải hành động như thế nào để cải thiện thành tích học tập của HS. Như vậy là cần chú trọng cả đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết, trong đó hết sức coi trọng việc đánh giá quá trình.

– Về nội dung đánh giá, bên cạnh nội dung lí thuyết, cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HS như: làm việc với bản đồ, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin, sử dụng các dụng cụ học tập ngoài trời, sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Đánh giá khả năng vận dụng tri thức vào những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức địa lí làm trung tâm của việc đánh giá.

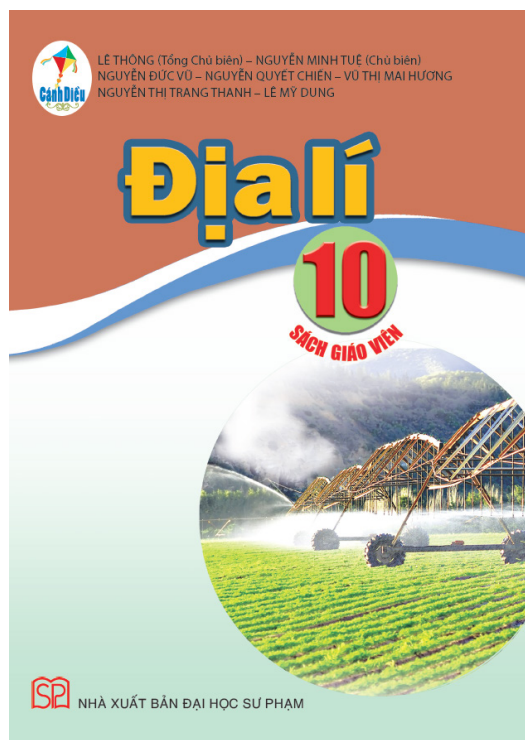
– Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với tất cả HS bằng các hình thức khác nhau. Tạo điều kiện để HS được tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

– Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về phẩm chất, năng lực và sự tiến bộ của HS.

Để đáp ứng các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập của HS như trên, Địa lí 10 đã tăng cường hệ thống các câu hỏi trong phần hình thành kiến thức mới, phần luyện tập và vận dụng. Do vậy GV nên sử dụng các câu hỏi đó để tổ chức đánh giá kết quả học tập thường xuyên cho HS. Đồng thời, khi tổ chức các hoạt động học tập, GV nên đa dạng các hình thức và công cụ đánh giá để tạo cơ hội cho HS tham gia vào quá trình tự đánh giá. GV có thể thiết kế bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí,... để tổ chức đánh giá sản phẩm học tập cho HS.

7. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG TÀI LIỆU THAM KHẢO HỖ TRỢ

7.1. Sách giáo viên



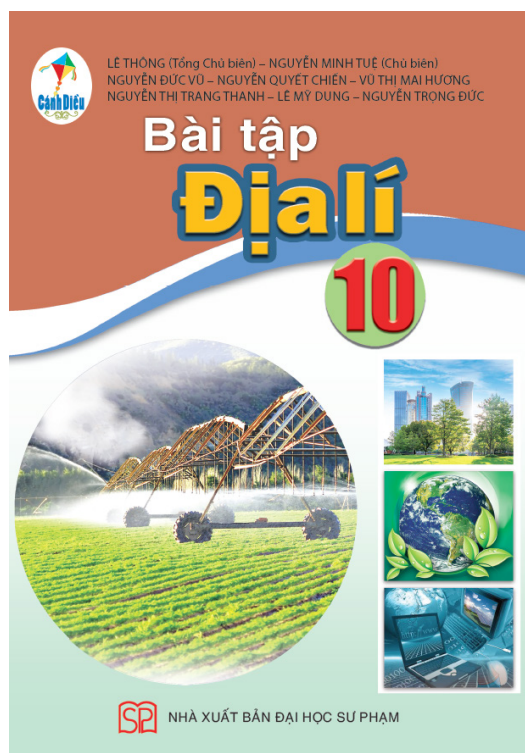
SGV được viết bám sát SGK của HS, mở rộng, giải thích làm rõ thêm các nội dung trong đó. Hai nội dung lớn mà SGV tập trung là:

- Gợi ý cho GV cách thức tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp

- Gợi ý các nội dung cần làm rõ qua các câu hỏi, bài tập trong SGK.

Để có một giáo án cụ thể, GV tham khảo sách GV, từ đó hiểu đúng mục tiêu các yêu cầu của bài học; căn cứ vào đối tượng, điều kiện dạy học và năng lực của chính mình để soạn ra một giáo án cụ thể. Không ai thay thế được người GV trong việc soạn ra một giáo án cho mình. Hơn nữa, Chương trình và SGK theo định hướng mở, đề cao và khuyến khích người GV tự chủ, tự lựa chọn và quyết định nội dung, cách thức dạy học cụ thể. Các câu gợi ý trả lời câu hỏi trong SGV chỉ nêu ý chính, để thống nhất chung về phương hướng; còn nội dung cụ thể GV hoàn toàn có thể thêm bớt miễn là có lí, có cơ sở và có sức thuyết phục.

7.2. Sách bài tập



Bao gồm các câu hỏi và bài tập được sắp xếp theo các phần, chương, bài tương ứng trong SGK, giúp HS và GV dễ dàng theo dõi, thực hiện.

Hình thức hỏi ở mỗi bài rất đa dạng từ câu hỏi trắc nghiệm như: khoanh tròn, điền khuyết, ghép nối,... đến các câu hỏi tự luận. HS thực hiện các câu hỏi và bài tập này không chỉ rèn luyện, nâng cao được kiến thức mà còn làm quen với các dạng câu hỏi, bài tập, các hình thức kiểm tra, đánh giá ở lớp 10. GV có thể sử dụng các câu hỏi và bài tập này vào việc dạy nội dung hình thành kiến thức mới, luyện tập, vận dụng hoặc đưa vào kiểm tra, đánh giá việc học tập của HS.

Cuối sách có đáp án và gợi ý trả lời rất thuận tiện cho HS, GV tra cứu.

7.3. Sách tham khảo

Đây là những tài liệu hữu ích cho các em HS tự kiểm tra, đánh giá kiến thức và kỹ năng của mình trong việc học tập Địa lí; giúp các thầy, cô giáo có thêm tài liệu để giảng dạy chuẩn xác; các bậc phụ huynh có thể dùng những cuốn sách này để kiểm tra khả năng tiếp thu kiến thức của con em mình, giúp các em học tập đạt kết quả tốt hơn.



7.4. Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử (SGK phiên bản điện tử, video minh họa tiết học, bài tập tương tác phục vụ kiểm tra, đánh giá,...)

Hoc10 Giới thiệu v Tủ sách Bài giảng Luyện thi v Kích hoạt sách Hỗ trợ v Đăng ký Đăng nhập

Địa lí LỚP 10

Giải thiệu sách

- Video giới thiệu SGK Địa lí
- Slide giới thiệu SGK Địa lí
- Giải thiệu SGK Địa lí

Sách giáo khoa

- Địa lí 10
- Địa lí 10

Học liệu điện tử

Tất cả

Địa lí 10 - Quá trình hình thành các đặc trưng của môi trường



B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ

BÀI 8. KHÍ ÁP, GIÓ VÀ MƯA

Tiết 2. Một số loại gió chính trên Trái Đất và gió địa phương

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian thông qua việc trình bày về một số loại gió chính trên Trái Đất, một số loại gió địa phương.
- Năng lực tìm hiểu địa lí thông qua việc sử dụng các công cụ địa lí học như video clip, hình ảnh,...
- Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học thông qua việc liên hệ thực tế về các loại gió thổi tại địa phương.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc trao đổi, thảo luận, lắng nghe, phản hồi tích cực khi thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc đề xuất các ý tưởng và đưa ra hướng giải quyết.

2. Phẩm chất

Chăm chỉ và có trách nhiệm, tự giác trong rèn luyện, học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Một số hình ảnh, video clip về gió.
- Internet, màn hình, máy chiếu, máy tính cùng các phần mềm ứng dụng cần thiết.
- Tranh ảnh, các tài liệu tham khảo,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

a) *Mục tiêu*: Xác định được các nhiệm vụ cần giải quyết trong bài, tạo hứng thú cho HS.

b) *Nội dung*: HS quan sát, lắng nghe đoạn video clip để trả lời câu hỏi, huy động vốn kiến thức về các loại gió đã được học ở Trung học cơ sở và hiểu biết thực tế để trả lời câu hỏi của GV.

c) *Sản phẩm*:

– Thành phố Fano của Đan Mạch được coi là thành phố hoàn hảo để thả diều vì có bờ biển dài, gió thổi ổn định.

– Gió là sự chuyển động của không khí từ nơi có khí áp cao về nơi có khí áp thấp.

– Nguyên nhân sinh ra gió là do sự chênh lệch khí áp.

d) *Tổ chức thực hiện*:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ. GV yêu cầu HS theo dõi đoạn video clip trong thời gian 1 phút của VTV về Lễ hội thả diều quốc tế ở Đan Mạch để trả lời câu hỏi: *Tại sao thành phố Fano của Đan Mạch được coi là thành phố hoàn hảo để thả diều?*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập. HS theo dõi đoạn video clip để trả lời câu hỏi của GV.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận. GV mời một HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. Đánh giá. GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

GV dẫn dắt vấn đề: Bờ biển dài, thời tiết đẹp và quan trọng là có gió thổi ổn định là điều kiện lí tưởng nâng cánh cho diều bay cao, bay xa khoe sắc màu. Gió không chỉ mang đến ước mơ, khát vọng cho con người qua mỗi cánh diều; gió còn chắp cánh cho những cánh buồm ra khơi trở về đầy tôm cá; gió còn tạo ra nguồn năng lượng ít gây ô nhiễm môi trường; mang đến những cơn mưa;... Gió còn có trong lời ca của tình yêu đôi lứa, trong lời ru của bà của mẹ,...

GV đặt câu hỏi: *Bằng kiến thức đã được học ở Trung học cơ sở, em hãy cho biết gió là gì? Nguyên nhân sinh ra gió?*

GV dẫn vào bài: Sự chênh lệch khí áp là nguyên nhân sinh ra gió. Ở tiết trước, các em đã tìm hiểu về nguyên nhân của sự thay đổi khí áp, phân bố của các đai khí áp trên Trái Đất, sự tồn tại song song của các đai khí áp cao và đai khí áp thấp nên trên Trái Đất luôn có gió. *Vậy trên Trái Đất có các loại gió chính nào? Sự hình thành và hoạt động của chúng ra sao?* Hãy cùng tìm hiểu trong bài hôm nay.

2. Hình thành kiến thức mới

2.1. Một số loại gió chính trên Trái Đất

a) *Mục tiêu*: Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất.

b) *Nội dung*: (Hoạt động nhóm/ mảnh ghép) HS làm việc nhóm; làm việc trong nhóm chuyên gia về nội dung theo yêu cầu của GV trong thời gian 3 phút (phiếu học tập cá nhân), sau đó sẽ ghép với các thành viên của các nhóm chuyên gia khác hình thành nhóm mảnh ghép.



Tại nhóm mới, HS trình bày, thảo luận để hoàn thành nội dung theo yêu cầu trong phiếu học tập chung với thời gian 5 phút.

c) Sản phẩm:

Đặc điểm của một số loại gió chính trên Trái Đất

Một số loại gió chính	Gió Mậu dịch (Tín phong)	Gió Tây ôn đới	Gió mùa
Phạm vi hoạt động	Các khu áp cao cận nhiệt đới về áp thấp xích đạo.	Các khu áp cao cận nhiệt đới về áp thấp ôn đới.	Một số khu vực đới nóng và vĩ độ trung bình (Nam Á, Đông Nam Á, Đông Phi...).
Thời gian hoạt động	Quanh năm.	Quanh năm.	Theo mùa.
Hướng gió	– Bán cầu Bắc có hướng đông bắc. – Bán cầu Nam có hướng đông nam.	Chủ yếu theo hướng tây. Cụ thể: – Bán cầu Bắc có hướng tây nam. – Bán cầu Nam có hướng tây bắc.	Hướng ngược nhau theo mùa.
Tính chất	Khô.	Độ ẩm cao, mưa phùn, mưa bụi.	– Mùa đông: khô. – Mùa hạ: ẩm.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ. Hoạt động nhóm/ mảnh ghép, HS sẽ tham gia hoạt động học với 2 bước có nhiệm vụ như sau:

Bước 1.1. Nhóm chuyên gia. HS làm việc độc lập trong thời gian 3 phút theo phiếu học tập cá nhân.

- Nhóm 1: Tìm hiểu về gió Mậu dịch (Tín phong).
- Nhóm 2: Tìm hiểu về gió Tây ôn đới.
- Nhóm 3: Tìm hiểu về gió mùa.

Bước 1.2. Nhóm mảnh ghép. Các thành viên có màu sắc của phiếu học tập giống nhau sẽ di chuyển hình thành nhóm mới. Trong nhóm mới, các thành viên sẽ thảo luận, chia sẻ cho nhau những nội dung tìm hiểu của mình cho các bạn đến từ nhóm khác. Sau đó, cả nhóm hoàn thành kết quả thảo luận vào phiếu học tập chung trong thời gian 5 phút.

Sau khi kết thúc thời gian làm việc, các nhóm sẽ treo kết quả, đại diện nhóm mảnh ghép sẽ trình bày về một trong các loại gió. Các nhóm còn lại sẽ nhận xét về nội dung, cách trình bày và chấm điểm cho đội bạn theo thang điểm.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo yêu cầu và hướng dẫn của GV. GV hỗ trợ các nhóm trong quá trình hoạt động.

Bước 3. Báo cáo kết quả và thảo luận. Đại diện các nhóm sẽ bốc thăm để trình bày, các nhóm còn lại nhận xét về nội dung, cách trình bày và chấm điểm cho đội bạn theo thang điểm.

Bước 4. Đánh giá. GV nhận xét quá trình và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm, đồng thời tổng kết và chuẩn kiến thức.

GV mở rộng bằng các câu hỏi đồ vui “Em có biết?”:

– Ý nghĩa tên của các loại gió chính trên Trái Đất là gì?

– Tại sao tàu thuyền di chuyển trên các đại dương thế giới thường rất sợ di chuyển qua khu vực khoảng $30^\circ - 40^\circ$ ở cả hai bán cầu? (Vì tàu thuyền di chuyển trên các đại dương chủ yếu dựa vào sức gió nhằm hạn chế tiêu tốn nhiên liệu; trong khi đó, khu vực khoảng $30^\circ - 40^\circ$ ở hai bán cầu là khu vực áp cao cận nhiệt đới, thường lặng gió).

2.2. Gió địa phương

a) Mục tiêu: Trình bày được một số loại gió địa phương.

b) Nội dung: HS làm việc theo cặp, dựa vào kênh hình, kênh chữ trong SGK và video clip để hoàn thành nội dung về các loại gió địa phương theo phiếu học tập.

c) Sản phẩm:

Loại gió	Phạm vi hoạt động	Sự hình thành và hoạt động
Gió đất, gió biển	Vùng ven biển	Do sự hấp thụ và tỏa nhiệt của đất và nước khác nhau dẫn đến sự chênh lệch khí áp và sinh ra gió. – Ban ngày: Vùng ven biển hình thành áp cao, vùng ven đất liền hình thành áp thấp, gió thổi từ áp cao về áp thấp (từ biển vào đất liền) nên được gọi là gió biển. – Ban đêm: Vùng ven biển hình thành áp thấp, vùng ven đất liền hình thành áp cao, gió thổi từ áp cao về áp thấp (từ đất liền ra biển) nên được gọi là gió đất.
Gió phơn	Sườn núi khuất gió	Khi gió ẩm thổi đến một dãy núi, càng lên cao thì nhiệt độ càng giảm, hơi nước ngưng tụ thành mây, gây mưa ở sườn đón gió. Khi gió vượt sang sườn bên kia, độ ẩm giảm, không khí trở nên khô, nhiệt độ tăng theo tiêu chuẩn khô khí khô xuống núi, gió thổi từ trên núi xuống có tính chất khô và nóng được gọi là gió phơn.

Gió núi – thung lũng	Khu vực miền núi	Do sự chênh lệch nhiệt độ không khí tại cùng một độ cao ở sườn núi và thung lũng. – Ban ngày: Không khí ở sườn núi nóng hơn so với xung quanh nên gió thổi lên theo sườn núi; còn ở trên gió thổi xuống dưới về phía thung lũng. – Ban đêm: Không khí ở sườn núi bức xạ mạnh hơn nên lạnh hơn xung quanh; gió thổi dọc theo sườn núi xuống dưới, còn ở dưới không khí bốc lên trên thung lũng.
-------------------------------------	-----------------------------	---

c) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ. HS hoạt động theo cặp. Các cặp dựa vào hình 8.2, 8.3, 8.4 và kênh chữ để trình bày về nơi hoạt động, sự hình thành và hoạt động của các loại gió địa phương theo phiếu học tập. Thời gian làm việc là 5 phút. Sau đó, GV sẽ mời đại diện của một số cặp trình bày về từng loại gió địa phương dựa trên hình vẽ mô phỏng.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. HS thực hiện nhiệm vụ học tập, GV quan sát, phát hiện và giúp đỡ khi HS gặp khó khăn.

Bước 3. Báo cáo kết quả. Đại diện một số HS trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. GV tổng kết, đánh giá.

3. Luyện tập

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức của bài học.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập. HS tìm và ghép đúng tên của loại gió với khu vực phân bố và tính chất của loại gió đó.

c) Sản phẩm: HS nối đúng tên các loại gió với khu vực phân bố và tính chất gió. HS kể tên được các loại gió có ở nước ta, các loại gió chính tại địa phương.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ. Yêu cầu HS quan sát, kết hợp với kiến thức đã học để nối tên các loại gió với khu vực phân bố và tính chất gió sao cho đúng (Phụ lục 6).

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. HS quan sát, lắng nghe, huy động hiểu biết để trả lời.

Bước 3. Báo cáo kết quả. HS giơ tay trình bày đáp án.

Bước 4. GV tổng kết, đánh giá.

4. Vận dụng

a) Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức đã học và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức đã học để kể tên các loại gió có ở nước ta, liên hệ địa phương về các loại gió trên địa bàn nơi HS học tập, sinh sống.

c) Sản phẩm:

- Nước ta có hầu hết các loại gió trên hoạt động (ngoại trừ gió Tây ôn đới) vì:
 - + Nước ta nằm trong khu vực nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có hoạt động của gió Mậu dịch (Tín phong).
 - + Thuộc khu vực Đông Nam Á, nằm trong khu vực gió mùa châu Á điển hình nên có gió mùa (đây là loại gió chính).
 - + Nước ta có đường biển dài nên vùng ven biển có hoạt động của gió đất và gió biển.
 - + Nước ta có nhiều đồi núi, với nhiều dãy núi cao nên có hiện tượng gió phơn, đặc biệt là vùng Duyên hải miền Trung.
 - + Các vùng thung lũng giữa núi có gió núi – thung lũng.
- Liên hệ trực tiếp về loại gió hoạt động điển hình tại địa phương. Ví dụ: Ở khu vực tỉnh Ninh Bình có hoạt động của gió mùa, vùng ven biển có gió biển, gió đất.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ. GV yêu cầu HS dựa vào phạm vi hoạt động của các loại gió và kiến thức đã học, hãy cho biết:

- Ở nước ta có những loại gió nào hoạt động? hay Loại gió nào không xuất hiện ở nước ta?
- Tại địa phương em đang học tập, sinh sống có loại gió nào hoạt động điển hình?

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. HS lắng nghe, huy động kiến thức và hiểu biết để trả lời.

Bước 3. Báo cáo kết quả. HS giơ tay trình bày đáp án.

Bước 4. GV tổng kết, đánh giá.

GV chuẩn kiến thức bài học: Cùng là gió, nhưng mỗi loại gió mang theo mình những đặc điểm, tính chất khác nhau. Có loại gió khô, có loại gió ẩm, mát; cũng có loại gió mà tính chất thay đổi theo ngày đêm, theo mùa. Vì vậy, gió là một trong nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến lượng mưa trên Trái Đất.

GV định hướng nội dung bài học ở tiết tiếp theo.

PHỤ LỤC 1

PHIẾU HỌC TẬP CÁ NHÂN 1

Nhóm 1: Tìm hiểu về gió Mậu dịch (Tín phong)

Yêu cầu: Dựa vào hình 8.1 và kênh chữ trang 30 SGK, em hãy trình bày về gió Mậu dịch theo bảng dưới đây.

Một số loại gió chính	Gió Mậu dịch
Phạm vi hoạt động	
Thời gian hoạt động	



Hướng gió	
Tính chất	

Lưu ý: GV tạo phiếu học tập cá nhân 2, 3 về gió Tây ôn đới và gió mùa. Ở nội dung gió mùa, GV có thể tìm thêm các sơ đồ về gió mùa.

PHỤ LỤC 2

PHIẾU HỌC TẬP NHÓM (Khổ A1)

Yêu cầu: Dựa vào hình 8.1 và kênh chữ trang 30, 31 SGK, hãy trình bày về các loại gió Mậu dịch, gió Tây ôn đới và gió mùa theo bảng dưới đây:

Một số loại gió chính	Gió Mậu dịch
Phạm vi hoạt động	
Thời gian hoạt động	
Hướng gió	
Tính chất	

PHỤ LỤC 3

PHIẾU HỌC TẬP CẶP ĐÔI

Yêu cầu: Dựa vào hình 8.2, 8.3, 8.4 kết hợp với kênh chữ trang 31, 32 SGK, hãy trình bày về các loại gió địa phương theo bảng dưới đây:

Loại gió	Phạm vi hoạt động	Sự hình thành và hoạt động
Gió đất, gió biển		
Gió phơn		
Gió núi – thung lũng		

PHỤ LỤC 4

Cột A. KHU VỰC	Cột B. LOẠI GIÓ	Cột C. TÍNH CHẤT
Khoảng $0^{\circ} - 30^{\circ}$ ở cả hai bán cầu	Gió Mậu dịch	Độ ẩm cao, gây mưa nhiều
Các vùng ven biển	Gió Tây ôn đới	Khô, chỉ mưa khi vượt qua vùng biển rộng và gặp địa hình chắn gió
Ở khoảng $30^{\circ} - 60^{\circ}$ ở cả hai bán cầu	Gió mùa	Ôn hoà (mát mẻ ban ngày)
Khu vực miền núi	Gió đất, gió biển	Một mùa mưa, một mùa khô
Một số khu vực đới nóng và vùng vĩ độ trung bình (Nam Á, Đông Nam Á,...)	Gió phơn	Ban ngày oi bức, ban đêm mát dịu hơn
Vùng phía sau dãy núi cao có gió thổi vượt qua	Gió núi – thung lũng	Khô nóng



C. GỢI Ý BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Thời gian: 45 phút

I. CÁC BƯỚC XÂY DỰNG ĐỀ KIỂM TRA

- Bước 1. Xác định mục đích của đề kiểm tra
- Bước 2. Xác định hình thức đề kiểm tra
- Bước 3. Thiết lập ma trận đề kiểm tra (bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra)
- Bước 4. Biên soạn câu hỏi theo ma trận
- Bước 5. Xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm
- Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra

II. ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

1. Mục đích của đề kiểm tra

- Đánh giá kết quả học tập của HS sau khi học xong các nội dung: Sử dụng bản đồ; Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng; Hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái Đất; Thạch quyển. Nội lực; Ngoại lực; Khí quyển. Nhiệt độ không khí.
- Điều chỉnh kịp thời quá trình dạy học.

2. Hình thức đề kiểm tra

Kết hợp: Trắc nghiệm và tự luận



3. Đặc tả ma trận

Đặc tả ma trận đề kiểm tra giữa kì I – phần Địa lí 7

Mức độ Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao
1. Sử dụng bản đồ		Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ: kí hiệu, đường chuyển động.		
<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm: 0,5</i> <i>Tỉ lệ: 5,0%</i>		<i>TN: 2 câu;</i> <i>0,5 điểm</i>		
2. Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng	Trình bày được các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.			Vận dụng thuyết kiến tạo mảng để giải thích được nguyên nhân hình thành các vành đai động đất, núi lửa.
<i>Số câu: 3</i> <i>Số điểm: 1,5</i> <i>Tỉ lệ: 15%</i>	<i>TN: 2 câu;</i> <i>0,5 điểm</i>			<i>TL: 1 câu;</i> <i>1,0 điểm</i>
3. Hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái Đất		Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất.	Sử dụng hình vẽ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất.	
<i>Số câu: 5</i> <i>Số điểm: 3,0</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>		<i>TN: 4 câu;</i> <i>1,0 điểm</i>	<i>TL: 1 câu;</i> <i>2,0 điểm</i>	

4. Thạch quyển. Nội lực		– Trình bày được khái niệm thạch quyển; phân biệt được thạch quyển với vỏ Trái Đất. (2 câu) – Trình bày khái niệm nội lực, nguyên nhân của chúng; tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất. (4 câu)		
Số câu: 6 Số điểm: 1,5 Tỉ lệ: 1,5%		TN: 6 câu; 1,5 điểm		
5. Ngoại lực	Trình bày được tác động của ngoại lực đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.			
Số câu: 2 Số điểm: 0,5 Tỉ lệ: 5%	TN: 2 câu; 0,5 điểm			
6. Khí quyển. Nhiệt độ không khí	Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ địa lí; lục địa, đại dương.	Phân tích được sự thay đổi nhiệt độ giữa lục địa và đại dương.		
Số câu: 5 Số điểm: 3,0 Tỉ lệ: 30%	TN: 4 câu; 1,0 điểm	TL: 1 câu; 2,0 điểm		

Tổng số câu: 23 (TN: 20; TL: 3) Tổng số điểm: 10,0 Tỉ lệ: 100%	Số câu: 14 Số điểm: 3,5 35%	Số câu: 7 Số điểm: 3,5 35%	Số câu: 1 Số điểm: 2,0 20%	Số câu: 1 Số điểm: 1,0 10%
--	-----------------------------------	----------------------------------	----------------------------------	----------------------------------

Ghi chú: TN – Trắc nghiệm; TL – Tự luận.

4. Gợi ý đề kiểm tra

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Mỗi câu chọn 1 phương án trả lời đúng.

Câu 1. Để biểu hiện vị trí của các đối tượng địa lí phân bố theo điểm, người ta sử dụng phương pháp

- A. đường chuyển động.
- B. kí hiệu.
- C. chấm điểm.
- D. khoanh vùng.

Câu 2. Để biểu hiện sự di chuyển của các quá trình, hiện tượng tự nhiên và kinh tế – xã hội, người ta sử dụng phương pháp

- A. đường chuyển động.
- B. bản đồ – biểu đồ.
- C. kí hiệu.
- D. khoanh vùng.

Câu 3. Vật liệu chủ yếu cấu tạo nên vỏ Trái Đất là

- A. các khoáng vật và đá.
- B. khoáng sản và đất.
- C. đá sét và đá vôi.
- D. vật liệu vụn bở từ các loại đá.

Câu 4. Vỏ Trái Đất được cấu tạo chủ yếu bởi các loại đá nào sau đây?

- A. Đá ba-dan và đá gơ-nai.
- B. Đá trầm tích và đá biến chất.
- C. Đá trầm tích và đá mac-ma.
- D. Đá mac-ma và đá biến chất.

Câu 5. Nếu Trái Đất không tự quay quanh trục thì bề mặt Trái Đất sẽ

- A. không có ngày và đêm.
- B. không có ngày hoặc đêm dài 24 giờ.
- C. có sự luân phiên ngày và đêm trong 24 giờ.
- D. không có sự luân phiên ngày và đêm trong 24 giờ.

Câu 6. Do Trái Đất hình cầu và tự quay quanh trục, nên các địa điểm trên cùng một kinh tuyến sẽ có

- A. một giờ riêng, gọi là giờ địa phương.
- B. các giờ khu vực khác nhau.
- C. các giờ quốc tế khác nhau.
- D. các đường chuyển ngày quốc tế.



Câu 7. Nguyên nhân nào sau đây sinh ra hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau theo mùa?

- A. Trái Đất hình cầu.
- B. Trái Đất chuyển động quanh trục.
- C. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời.
- D. Trục Trái Đất nghiêng và không đổi phương.

Câu 8. Cho biết nhận định nào sau đây là đúng về hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ?

- A. Càng gần cực, sự chênh lệch độ dài ngày đêm càng ít.
- B. Càng gần cực, không có sự chênh lệch độ dài ngày đêm.
- C. Càng gần xích đạo, sự chênh lệch độ dài ngày đêm càng ít.
- D. Càng gần xích đạo, sự chênh lệch độ dài ngày đêm càng nhiều.

Câu 9. Vỏ Trái Đất và phần trên của lớp man-ti được gọi là

- A. thạch quyển.
- B. tầng gra-nit.
- C. lớp vỏ cứng.
- D. tầng ba-dan.

Câu 10. Điểm khác biệt giữa thạch quyển với vỏ Trái Đất là gì?

- A. Nằm dưới lớp vỏ Trái Đất.
- B. Dày hơn lớp vỏ Trái Đất.
- C. Chỉ có ở lục địa.
- D. Mỏng hơn lớp vỏ Trái Đất.

Câu 11. Nội lực là những lực được sinh ra

- A. từ bên trong Trái Đất.
- B. do các quá trình xói mòn.
- C. do quá trình xâm thực.
- D. do các quá trình phong hoá.

Câu 12. Ý nào sau đây không phải là nguyên nhân sinh ra nội lực?

- A. Nhiệt độ của không khí.
- B. Sự phân huỷ các chất phóng xạ.
- C. Năng lượng của các phản ứng hoá học.
- D. Sự dịch chuyển của các dòng vật chất.

Câu 13. Tác động nào dưới đây thuộc về nội lực?

- A. Bồi đắp nên các đồng bằng.
- B. Gây ra hiện tượng động đất, núi lửa.
- C. Làm di chuyển vật liệu đã bị phá huỷ ở mặt đất.
- D. Làm phong hoá các loại đá trên bề mặt đất.

Câu 14. Nội lực có xu hướng làm cho địa hình bề mặt Trái Đất trở nên

- A. bằng phẳng.
- B. gồ ghề.
- C. ổn định.
- D. mềm mại.

Câu 15. Ngoại lực khác với nội lực ở điểm nào?

- A. Có xu hướng san bằng địa hình bề mặt Trái Đất.
- B. Có xu hướng nâng cao địa hình bề mặt Trái Đất.

- C. Không làm thay đổi địa hình bề mặt Trái Đất.
- D. Xảy ra sau và chậm chạp hơn so với nội lực.

Câu 16. Các quá trình ngoại lực bao gồm:

- A. bóc mòn, nâng lên, hạ xuống và phong hoá.
- B. phong hoá, bóc mòn, vận chuyển và bồi tụ.
- C. tạo núi, vận chuyển, bồi tụ và bóc mòn.
- D. phong hoá, bào mòn, uốn nếp và đứt gãy.

Câu 17. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho nhiệt độ không khí thay đổi theo vĩ độ?

- A. Gió.
- B. Dòng biển.
- C. Bức xạ mặt trời.
- D. Thực vật.

Câu 18. Trên cùng một vĩ tuyến ở các địa điểm khác nhau sẽ có nhiệt độ

- A. khác nhau.
- B. gần như nhau.
- C. giống nhau.
- D. giảm dần từ biển vào trong đất liền.

Câu 19. Nguyên nhân nào sau đây làm cho càng vào sâu trong lục địa, nhiệt độ càng tăng?

- A. Do ảnh hưởng của biển giảm.
- B. Góc nhập xạ ở lục địa lớn hơn.
- C. Giảm độ che phủ của thực vật.
- D. Địa hình bằng phẳng.

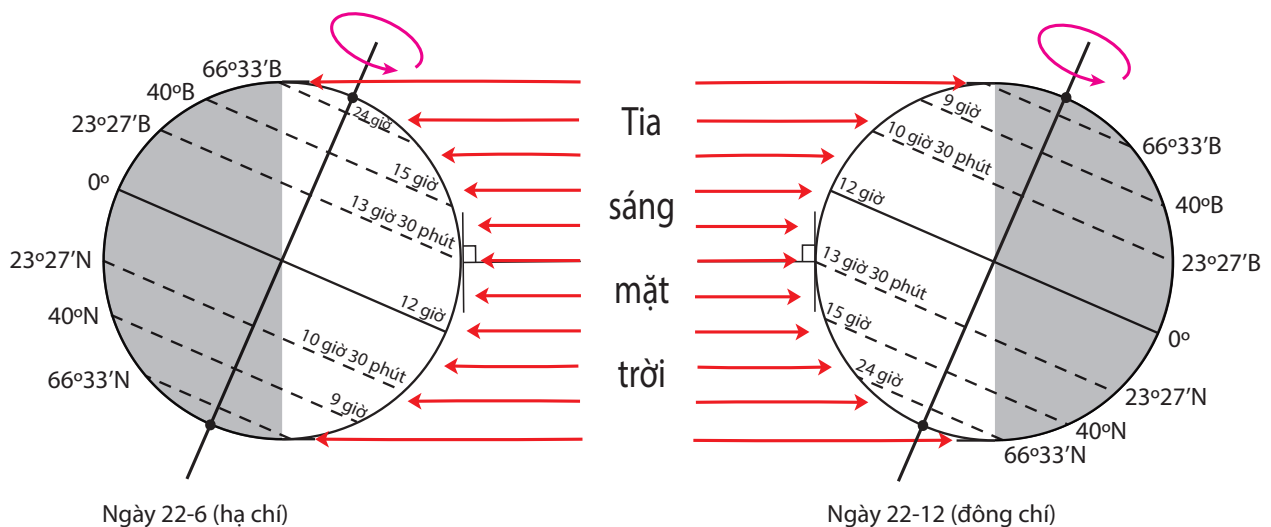
Câu 20. Nhiệt độ không khí có sự khác biệt giữa lục địa và đại dương là do

- A. khác nhau về góc nhập xạ.
- B. khác nhau về quy mô diện tích.
- C. sự hấp thụ và toả nhiệt khác nhau.
- D. ảnh hưởng của dòng biển ven bờ.

PHẦN 2. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Quan sát hình sau:



Độ dài ngày đêm ở các vĩ độ vào ngày 22-6 và ngày 22-12

- a) Nhận xét về hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau trong các ngày 22-6 và 22-12.
b) Rút ra kết luận về hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo vĩ độ trên Trái Đất.

Câu 2. (2,0 điểm)

Phân tích nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi nhiệt độ không khí giữa lục địa và đại dương; giữa bờ đông và bờ tây lục địa.

Câu 3. (1,0 điểm)

Tại sao các vành đai động đất và vành đai núi lửa thường tập trung ở ranh giới các mảng thạch quyển?

5. Hướng dẫn chấm và thang điểm

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

(Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	A	A	D	D	A	D	C	A	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	A	B	B	A	B	C	A	A	C

PHẦN 2. TỰ LUẬN (5,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1		2,0
a	Nhận xét về hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau trong các ngày 22-6 và 22-12.	1,0
	– Ở vị trí ngày 22–6 (hạ chí), Trái Đất đang trong khoảng thời gian mà nửa cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời. Vì vậy, từ Xích đạo trở lên cực Bắc mọi nơi đều có ngày dài hơn đêm. – Ở vị trí ngày 22–12 (đông chí), Trái Đất đang trong khoảng thời gian mà nửa cầu Nam ngả về phía Mặt Trời. Vì vậy, từ Xích đạo xuống cực Nam mọi nơi đều có ngày dài hơn đêm.	
b	Rút ra kết luận về hiện tượng ngày, đêm dài ngắn theo vĩ độ trên Trái Đất.	1,0
	Do trục Trái Đất luôn nghiêng và không đổi phương khi quay quanh Mặt Trời nên có hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo vĩ độ. Độ dài ngày hoặc đêm giảm dần khi đi từ xích đạo về phía hai cực.	

2	<i>Phân tích nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi nhiệt độ không khí giữa lục địa và đại dương; giữa bờ đông và bờ tây lục địa.</i>	2,0
	Nhiệt độ không khí có sự khác biệt giữa lục địa và đại dương do sự hấp thụ và tỏa nhiệt không giống nhau giữa lục địa và đại dương. Càng vào sâu trong lục địa, nhiệt độ càng thay đổi do ảnh hưởng của biển giảm.	1,0
	Nhiệt độ không khí cũng có sự thay đổi giữa bờ tây và bờ đông của lục địa do ảnh hưởng của các dòng biển, nơi có dòng biển nóng hoạt động thì có nhiệt độ cao hơn nơi có dòng biển lạnh.	1,0
3	<i>Tại sao các vành đai động đất và vành đai núi lửa thường tập trung ở ranh giới các mảng thạch quyển?</i>	1,0
	Do ở những khu vực này hoạt động kiến tạo diễn ra mạnh, nơi tiếp xúc giữa hai mảng kiến tạo do ma sát sẽ trở thành vùng có nhiều núi lửa, động đất.	

6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra (nếu cần)

.....

.....

.....

.....

.....

.....